

CẤP ĐỒNG HẠ THỂ



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG TRẦN (C)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064
 Quy cách sản phẩm: Cu không ủ mềm, bện tròn cấp 2 và không ép chặt

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	C 4	1	2,20			525.113	577.624	15.000
2	C 6	1	2,80			523.961	576.357	20.000
3	C 10	1	3,57			523.353	575.688	15.000
4	C 16	7	1,70			517.382	569.120	10.000
5	C 25	7	2,13			517.130	568.843	6.000
6	C 35	7	2,51			517.033	568.736	5.000
7	C 50	7	3,00			518.021	569.823	4.000
8	C 70	19	2,13			517.680	569.448	4.000
9	C 95	19	2,51			517.428	569.171	2.000
10	C 120	19	2,80			517.531	569.284	2.000
11	C 150	37	2,25			517.456	569.202	1.500
12	C 185	37	2,51			517.369	569.106	1.500
13	C 240	37	2,84			517.214	568.935	1.000
14	C 300	37	3,15			517.102	568.812	1.000
15	C 400	37	3,66			516.929	568.622	1.000
16	C 500	61	3,20			517.220	568.942	1.000

Ghi chú: Thuế suất thuế GTGT theo quy định của nhà nước

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG TRẦN (CF)

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 5064 & TCVN 6612

Quy cách sản phẩm:

Cu ủ mềm, bện tròn cấp 2 và ép chặt với sản phẩm $\geq 10\text{mm}^2$

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	C 1.5	7	0,52			527.938	580.732	20.000
2	C 2.5	7	0,67			526.310	578.941	15.000
3	C 4	7	0,86			525.264	577.790	15.000
4	C 6	7	1,04			524.651	577.116	15.000
5	CF 10	7	Compact			523.500	575.850	15.000
6	CF 16	7	Compact			517.653	569.418	8.000
7	CF 25	7	Compact			517.574	569.331	4.000
8	CF 35	7	Compact			517.271	568.998	4.000
9	CF 50	7	Compact			518.187	570.006	4.000
10	CF 70	19	Compact			517.620	569.382	4.000
11	CF 95	19	Compact			517.532	569.285	2.000
12	CF 120	19	Compact			517.487	569.236	2.000
13	CF 150	19	Compact			517.182	568.900	2.000
14	CF 185	37	Compact			517.169	568.886	1.500
15	CF 240	37	Compact			517.144	568.858	1.000
16	CF 300	37	Compact			516.994	568.693	1.000
17	CF 400	61	Compact			517.721	569.493	1.000
18	CF 500	61	Compact			517.980	569.778	1.000
19	CF 630	61	Compact			517.605	569.366	1.000
20	CF 800	61	Compact			517.223	568.945	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Đề biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CV 1x16 (V-75)	7	Compact			74.647	80.619	100
2	CV 1x25 (V-75)	7	Compact			115.893	125.164	100
3	CV 1x35 (V-75)	7	Compact			160.218	173.035	2.000
4	CV 1x50 (V-75)	7	Compact			219.030	236.552	2.000
5	CV 1x70 (V-75)	19	Compact			312.962	337.999	2.000
6	CV 1x95 (V-75)	19	Compact			434.580	469.346	2.000
7	CV 1x120 (V-75)	19	Compact			546.564	590.289	2.000
8	CV 1x150 (V-75)	19	Compact			679.061	733.386	1.000
9	CV 1x185 (V-75)	37	Compact			845.156	912.768	1.000
10	CV 1x240 (V-75)	37	Compact			1.113.967	1.203.084	1.000
11	CV 1x300 (V-75)	37	Compact			1.394.198	1.505.734	1.000
12	CV 1x400 (V-75)	61	Compact			1.806.596	1.951.124	500
13	CV 1x500 (V-75)	61	Compact			2.288.486	2.471.565	500
14	CV 1x630 (V-75)	61	Compact			2.956.054	3.192.538	500
15	CV 1x800 (V-75)	61	Compact			3.780.662	4.083.115	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Tru,ng tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CVV 2x1.5	7	0,52			18.886	20.397	200
2	CVV 2x2.5	7	0,67			28.960	31.277	200
3	CVV 2x4	7	0,86			45.495	49.135	200
4	CVV 2x6	7	1,04			66.439	71.754	2.000
5	CVV 2x10	7	Compact			104.464	112.821	2.000
6	CVV 2x16	7	Compact			160.013	172.814	2.000
7	CVV 2x25	7	Compact			247.321	267.107	2.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CVV 3x1.5	7	0,52			28.922	31.236	2.000
2	CVV 3x2.5	7	0,67			43.631	47.121	2.000
3	CVV 3x4	7	0,86			68.211	73.668	2.000
4	CVV 3x6	7	1,04			97.274	105.056	2.000
5	CVV 3x10	7	Compact			153.838	166.145	2.000
6	CVV 3x16	7	Compact			234.728	253.506	2.000
7	CVV 3x25	7	Compact			364.576	393.742	1.000
8	CVV 3x35	7	Compact			499.978	539.976	1.000
9	CVV 3x50	7	Compact			681.628	736.158	1.000
10	CVV 3x70	19	Compact			969.874	1.047.464	1.000
11	CVV 3x95	19	Compact			1.345.220	1.452.838	1.000
12	CVV 3x120	19	Compact			1.672.709	1.806.526	1.000
13	CVV 3x150	19	Compact			2.073.206	2.239.062	500
14	CVV 3x185	37	Compact			2.581.067	2.787.552	500
15	CVV 3x240	37	Compact			3.396.930	3.668.684	250
16	CVV 3x300	37	Compact			4.246.366	4.586.075	250
17	CVV 3x400	61	Compact			5.499.855	5.939.843	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐỒNG 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CVV 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	52.371	56.561	2.000
2	CVV 3x4+1x2.5	7	0,86	7	0,67	80.430	86.864	2.000
3	CVV 3x6+1x4	7	1,04	7	0,86	113.965	123.082	2.000
4	CVV 3x10+1x6	7	Compact	7	1,04	178.709	193.006	1.000
5	CVV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	277.247	299.427	1.000
6	CVV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	431.195	465.691	1.000
7	CVV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	569.464	615.021	1.000
8	CVV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	611.860	660.809	1.000
9	CVV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	795.981	859.659	1.000
10	CVV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	843.210	910.667	1.000
11	CVV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.125.474	1.215.512	1.000
12	CVV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.186.846	1.281.794	1.000
13	CVV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.564.922	1.690.116	1.000
14	CVV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.660.046	1.792.850	1.000
15	CVV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1.999.297	2.159.241	500
16	CVV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.125.420	2.295.454	500
17	CVV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.407.625	2.600.235	500
18	CVV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.535.598	2.738.446	500
19	CVV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.647.851	2.859.679	500
20	CVV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.043.555	3.287.039	500
21	CVV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.158.228	3.410.886	500
22	CVV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.294.599	3.558.167	500
23	CVV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3.977.075	4.295.241	250
24	CVV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.114.022	4.443.144	250
25	CVV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.283.329	4.625.995	250
26	CVV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.973.218	5.371.075	250
27	CVV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.143.328	5.554.794	250
28	CVV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.420.289	5.853.912	250
29	CVV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.683.715	7.218.412	250
30	CVV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.972.463	7.530.260	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CVV 4x1.5	7	0,52			37.542	40.545	2.000
2	CVV 4x2.5	7	0,67			57.530	62.132	2.000
3	CVV 4x4	7	0,86			87.685	94.700	2.000
4	CVV 4x6	7	1,04			125.050	135.054	2.000
5	CVV 4x10	7	Compact			199.141	215.072	2.000
6	CVV 4x16	7	Compact			305.063	329.468	2.000
7	CVV 4x25	7	Compact			473.736	511.635	1.000
8	CVV 4x35	7	Compact			651.089	703.176	1.000
9	CVV 4x50	7	Compact			887.633	958.644	1.000
10	CVV 4x70	19	Compact			1.265.550	1.366.794	1.000
11	CVV 4x95	19	Compact			1.753.898	1.894.210	1.000
12	CVV 4x120	19	Compact			2.201.016	2.377.097	1.000
13	CVV 4x150	19	Compact			2.733.625	2.952.315	500
14	CVV 4x185	37	Compact			3.400.546	3.672.590	500
15	CVV 4x240	37	Compact			4.474.573	4.832.539	250
16	CVV 4x300	37	Compact			5.600.144	6.048.156	250
17	CVV 4x400	61	Compact			7.251.696	7.831.832	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 1x1.5	7	0,52			8.628	9.318	200
2	CXV 1x2.5	7	0,67			13.472	14.550	200
3	CXV 1x4	7	0,86			21.237	22.936	200
4	CXV 1x6	7	1,04			30.613	33.062	200
5	CXV 1x10	7	Compact			49.172	53.106	200
6	CXV 1x16	7	Compact			76.245	82.345	200
7	CXV 1x25	7	Compact			117.743	127.162	200
8	CXV 1x35	7	Compact			162.411	175.404	2.000
9	CXV 1x50	7	Compact			221.429	239.143	2.000
10	CXV 1x70	19	Compact			315.926	341.200	2.000
11	CXV 1x95	19	Compact			437.764	472.785	2.000
12	CXV 1x120	19	Compact			550.551	594.595	1.000
13	CXV 1x150	19	Compact			683.650	738.342	1.000
14	CXV 1x185	37	Compact			850.979	919.057	1.000
15	CXV 1x240	37	Compact			1.120.114	1.209.723	1.000
16	CXV 1x300	37	Compact			1.400.890	1.512.961	1.000
17	CXV 1x400	61	Compact			1.815.192	1.960.407	500
18	CXV 1x500	61	Compact			2.297.900	2.481.732	500
19	CXV 1x630	61	Compact			2.969.431	3.206.985	500
20	CXV 1x800	61	Compact			3.797.441	4.101.236	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 2x1.5 (Đặc)	7	0,52			18.327	19.793	200
2	CXV 2x2.5 (Đặc)	7	0,67			28.345	30.613	200
3	CXV 2x4 (Đặc)	7	0,86			43.990	47.509	200
4	CXV 2x6	7	1,04			65.087	70.294	3.000
5	CXV 2x10	7	compact			102.646	110.858	2.000
6	CXV 2x16	7	compact			157.742	170.361	2.000
7	CXV 2x25	7	compact			244.483	264.042	2.000
8	CXV 2x35	7	compact			335.667	362.520	1.000
9	CXV 2x50	19	compact			456.245	492.745	1.000
10	CXV 2x70	19	compact			650.394	702.426	1.000
11	CXV 2x95	19	compact			898.730	970.628	1.000
12	CXV 2x120	19	compact			1.118.591	1.208.078	1.000
13	CXV 2x150	19	compact			1.388.871	1.499.981	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 3x1.5	7	0,52			28.439	30.714	2.000
2	CXV 3x2.5	7	0,67			42.889	46.320	2.000
3	CXV 3x4	7	0,86			66.750	72.090	2.000
4	CXV 3x6	7	1,04			95.466	103.103	2.000
5	CXV 3x10	7	Compact			152.117	164.286	2.000
6	CXV 3x16	7	Compact			232.609	251.218	2.000
7	CXV 3x25	7	Compact			362.375	391.365	1.000
8	CXV 3x35	7	Compact			497.324	537.110	1.000
9	CXV 3x50	7	Compact			677.439	731.634	1.000
10	CXV 3x70	19	Compact			966.660	1.043.993	1.000
11	CXV 3x95	19	Compact			1.338.041	1.445.084	1.000
12	CXV 3x120	19	Compact			1.666.119	1.799.409	1.000
13	CXV 3x150	19	Compact			2.068.280	2.233.742	500
14	CXV 3x185	37	Compact			2.571.975	2.777.733	500
15	CXV 3x240	37	Compact			3.386.619	3.657.549	250
16	CXV 3x300	37	Compact			4.234.256	4.572.996	250
17	CXV 3x400	61	Compact			5.481.900	5.920.452	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐỒNG 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	51.403	55.515	2.000
2	CXV 3x4+1x2.5	7	0,86	7	0,67	80.274	86.696	2.000
3	CXV 3x6+1x4	7	1,04	7	0,86	116.113	125.402	2.000
4	CXV 3x10+1x6	7	Compact	7	1,04	181.801	196.345	1.000
5	CXV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	283.435	306.110	1.000
6	CXV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	437.531	472.533	1.000
7	CXV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	572.236	618.015	1.000
8	CXV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	615.838	665.105	1.000
9	CXV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	795.937	859.612	1.000
10	CXV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	841.045	908.329	1.000
11	CXV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.129.246	1.219.586	1.000
12	CXV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.188.774	1.283.876	1.000
13	CXV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.545.121	1.668.731	500
14	CXV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.640.975	1.772.253	500
15	CXV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1.981.697	2.140.233	500
16	CXV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.103.962	2.272.279	500
17	CXV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.381.826	2.572.372	500
18	CXV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.504.047	2.704.371	500
19	CXV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.617.759	2.827.180	500
20	CXV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.010.253	3.251.073	500
21	CXV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.125.079	3.375.085	500
22	CXV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.258.550	3.519.234	500
23	CXV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3.935.888	4.250.759	250
24	CXV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.069.490	4.395.049	250
25	CXV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.237.155	4.576.127	250
26	CXV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.914.554	5.307.718	250
27	CXV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.083.272	5.489.934	250
28	CXV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.354.361	5.782.710	250
29	CXV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.608.380	7.137.050	250
30	CXV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.890.239	7.441.458	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 4x1.5	7	0,52			36.402	39.314	2.000
2	CXV 4x2.5	7	0,67			56.336	60.843	2.000
3	CXV 4x4	7	0,86			87.267	94.248	2.000
4	CXV 4x6	7	1,04			125.670	135.724	2.000
5	CXV 4x10	7	Compact			200.797	216.861	2.000
6	CXV 4x16	7	Compact			308.048	332.692	1.000
7	CXV 4x25	7	Compact			480.463	518.900	1.000
8	CXV 4x35	7	Compact			660.798	713.662	1.000
9	CXV 4x50	7	Compact			900.520	972.562	1.000
10	CXV 4x70	19	Compact			1.286.098	1.388.986	1.000
11	CXV 4x95	19	Compact			1.763.937	1.905.052	500
12	CXV 4x120	19	Compact			2.216.915	2.394.268	500
13	CXV 4x150	19	Compact			2.753.434	2.973.709	500
14	CXV 4x185	37	Compact			3.426.908	3.701.061	500
15	CXV 4x240	37	Compact			4.507.976	4.868.614	250
16	CXV 4x300	37	Compact			5.636.968	6.087.925	250
17	CXV 4x400	61	Compact			7.302.304	7.886.488	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐỒNG 5 LỖ (LỖ TIẾP ĐỊA VÀ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 3x2.5+2x1.5	7	0,67	7	0,52	60.226	65.044	2.000
2	CXV 3x4+2x2.5	7	0,86	7	0,67	94.312	101.857	2.000
3	CXV 3x6+2x4	7	1,04	7	0,86	138.017	149.058	2.000
4	CXV 3x10+2x6	7	Compact	7	1,04	213.833	230.940	2.000
5	CXV 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	334.867	361.656	1.000
6	CXV 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	516.210	557.507	1.000
7	CXV 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	652.121	704.291	1.000
8	CXV 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	738.245	797.305	1.000
9	CXV 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	919.457	993.014	1.000
10	CXV 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	1.010.622	1.091.472	1.000
11	CXV 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1.300.544	1.404.588	500
12	CXV 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1.420.312	1.533.937	500
13	CXV 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1.775.006	1.917.006	500
14	CXV 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	1.964.538	2.121.701	500
15	CXV 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	2.308.381	2.493.051	250
16	CXV 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2.555.286	2.759.709	250
17	CXV 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2.712.629	2.929.639	250
18	CXV 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	2.959.029	3.195.751	250
19	CXV 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	3.184.835	3.439.622	250
20	CXV 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	3.463.905	3.741.017	250
21	CXV 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	3.690.071	3.985.277	250
22	CXV 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	3.957.931	4.274.565	250
23	CXV 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	4.504.236	4.864.575	250
24	CXV 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	4.776.799	5.158.943	250
25	CXV 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	5.112.389	5.521.380	250
26	CXV 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	5.628.085	6.078.332	250
27	CXV 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	5.964.993	6.442.192	250
28	CXV 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	6.510.066	7.030.871	250
29	CXV 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	7.760.610	8.381.459	250
30	CXV 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	8.329.186	8.995.521	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP ĐỒNG 5 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 4x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	65.254	70.474	2.000
2	CXV 4x4+1x2.5	7	0,86	7	0,67	101.288	109.391	2.000
3	CXV 4x6+1x4	7	1,04	7	0,86	147.541	159.345	2.000
4	CXV 4x10+1x6	7	Compact	7	1,04	232.868	251.497	1.000
5	CXV 4x16+1x10	7	Compact	7	Compact	358.751	387.451	1.000
6	CXV 4x25+1x16	7	Compact	7	Compact	558.716	603.413	1.000
7	CXV 4x35+1x16	7	Compact	7	Compact	738.891	798.002	1.000
8	CXV 4x35+1x25	7	Compact	7	Compact	782.893	845.524	1.000
9	CXV 4x50+1x25	7	Compact	7	Compact	1.022.724	1.104.542	1.000
10	CXV 4x50+1x35	7	Compact	7	Compact	1.069.684	1.155.259	1.000
11	CXV 4x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.454.295	1.570.639	1.000
12	CXV 4x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.515.795	1.637.058	1.000
13	CXV 4x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.991.154	2.150.446	1.000
14	CXV 4x95+1x70	19	Compact	19	Compact	2.087.215	2.254.193	1.000
15	CXV 4x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.541.704	2.745.040	500
16	CXV 4x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.668.110	2.881.559	500
17	CXV 4x150+1x70	19	Compact	19	Compact	3.077.481	3.323.680	500
18	CXV 4x150+1x95	19	Compact	19	Compact	3.201.581	3.457.707	500
19	CXV 4x150+1x120	19	Compact	19	Compact	3.317.952	3.583.388	500
20	CXV 4x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.874.148	4.184.080	500
21	CXV 4x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.988.827	4.307.934	500
22	CXV 4x185+1x150	37	Compact	19	Compact	4.127.200	4.457.376	500
23	CXV 4x240+1x120	37	Compact	19	Compact	5.069.168	5.474.702	250
24	CXV 4x240+1x150	37	Compact	19	Compact	5.210.551	5.627.396	250
25	CXV 4x240+1x185	37	Compact	37	Compact	5.380.393	5.810.824	250
26	CXV 4x300+1x150	37	Compact	19	Compact	6.340.659	6.847.912	250
27	CXV 4x300+1x185	37	Compact	37	Compact	6.512.239	7.033.218	250
28	CXV 4x300+1x240	37	Compact	37	Compact	6.790.986	7.334.265	250
29	CXV 4x400+1x240	61	Compact	37	Compact	8.451.848	9.127.996	250
30	CXV 4x400+1x300	61	Compact	37	Compact	8.741.845	9.441.192	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG 5 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CXV 5x1.5	7	0,52			45.597	49.245	2.000
2	CXV 5x2.5	7	0,67			70.803	76.467	2.000
3	CXV 5x4.0	7	0,86			109.623	118.393	2.000
4	CXV 5x6.0	7	1,04			157.543	170.146	2.000
5	CXV 5x10	7	Compact			251.982	272.141	2.000
6	CXV 5x16	7	Compact			386.737	417.676	1.000
7	CXV 5x25	7	Compact			603.340	651.607	1.000
8	CXV 5x35	7	Compact			829.104	895.432	1.000
9	CXV 5x50	7	Compact			1.130.042	1.220.445	1.000
10	CXV 5x70	19	Compact			1.614.098	1.743.226	1.000
11	CXV 5x95	19	Compact			2.211.099	2.387.987	500
12	CXV 5x120	19	Compact			2.782.696	3.005.312	500
13	CXV 5x150	19	Compact			3.454.686	3.731.061	500
14	CXV 5x185	37	Compact			4.298.529	4.642.411	500
15	CXV 5x240	37	Compact			5.659.447	6.112.203	250
16	CXV 5x300	37	Compact			7.078.783	7.645.086	250
17	CXV 5x400	61	Compact			9.165.079	9.898.285	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NGÀM 1 LỖ, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG NHÔM, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DATA 1x10	7	Compact			63.148	68.200	2.000
2	DATA 1x16	7	Compact			92.467	99.864	2.000
3	DATA 1x25	7	Compact			137.806	148.830	2.000
4	DATA 1x35	7	Compact			184.455	199.211	2.000
5	DATA 1x50	7	Compact			243.774	263.276	2.000
6	DATA 1x70	19	Compact			341.970	369.328	2.000
7	DATA 1x95	19	Compact			463.368	500.437	1.000
8	DATA 1x120	19	Compact			578.079	624.325	1.000
9	DATA 1x150	19	Compact			713.715	770.812	1.000
10	DATA 1x185	37	Compact			883.318	953.983	1.000
11	DATA 1x240	37	Compact			1.156.816	1.249.361	1.000
12	DATA 1x300	37	Compact			1.442.962	1.558.399	500
13	DATA 1x400	61	Compact			1.862.135	2.011.106	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NGÀM 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 2x1.5(Đặc)	7	0,52			26.553	28.677	2.000
2	DSTA 2x2.5(Đặc)	7	0,67			37.415	40.408	2.000
3	DSTA 2x4(Đặc)	7	0,86			53.781	58.083	2.000
4	DSTA 2x6	7	1,04			74.218	80.155	2.000
5	DSTA 2x10	7	Compact			113.027	122.069	2.000
6	DSTA 2x16	7	Compact			170.106	183.714	1.000
7	DSTA 2x25	7	Compact			257.450	278.046	1.000
8	DSTA 2x35	7	Compact			349.173	377.107	1.000
9	DSTA 2x50	7	Compact			472.710	510.527	1.000
10	DSTA 2x70	19	Compact			669.910	723.503	1.000
11	DSTA 2x95	19	Compact			924.931	998.925	1.000
12	DSTA 2x120	19	Compact			1.156.037	1.248.520	500
13	DSTA 2x150	19	Compact			1.433.161	1.547.814	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NGÀM 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 3x1.5	7	0,52			37.122	40.092	2.000
2	DSTA 3x2.5	7	0,67			53.011	57.252	2.000
3	DSTA 3x4.0	7	0,86			76.591	82.718	2.000
4	DSTA 3x6.0	7	1,04			105.146	113.558	2.000
5	DSTA 3x10	7	Compact			162.511	175.512	2.000
6	DSTA 3x16	7	Compact			246.719	266.457	1.000
7	DSTA 3x25	7	Compact			375.450	405.486	1.000
8	DSTA 3x35	7	Compact			512.238	553.217	1.000
9	DSTA 3x50	7	Compact			694.666	750.239	1.000
10	DSTA 3x70	19	Compact			988.841	1.067.948	1.000
11	DSTA 3x95	19	Compact			1.361.206	1.470.102	500
12	DSTA 3x120	19	Compact			1.705.394	1.841.826	500
13	DSTA 3x150	19	Compact			2.114.884	2.284.075	500
14	DSTA 3x185	37	Compact			2.624.786	2.834.769	250
15	DSTA 3x240	37	Compact			3.445.863	3.721.532	250
16	DSTA 3x300	37	Compact			4.298.520	4.642.402	250
17	DSTA 3x400	61	Compact			5.562.873	6.007.903	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGÀM 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	60.547	65.391	2.000
2	DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0,86	7	0,67	90.334	97.561	2.000
3	DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1,04	7	0,86	126.104	136.192	2.000
4	DSTA 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1,04	193.003	208.443	2.000
5	DSTA 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	296.148	319.840	1.000
6	DSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	451.288	487.391	1.000
7	DSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	587.606	634.614	1.000
8	DSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	632.343	682.930	1.000
9	DSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	813.267	878.328	1.000
10	DSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	860.396	929.228	1.000
11	DSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.163.903	1.257.015	1.000
12	DSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.224.438	1.322.393	1.000
13	DSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.582.885	1.709.516	500
14	DSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.679.396	1.813.748	500
15	DSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.024.172	2.186.106	500
16	DSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.148.255	2.320.115	500
17	DSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.431.146	2.625.638	500
18	DSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.555.709	2.760.166	500
19	DSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.669.472	2.883.030	250
20	DSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.064.558	3.309.723	250
21	DSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.181.366	3.435.875	250
22	DSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.316.252	3.581.552	250
23	DSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3.995.625	4.315.275	250
24	DSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.131.574	4.462.100	250
25	DSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.300.600	4.644.648	250
26	DSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.982.696	5.381.312	250
27	DSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.157.169	5.569.743	250
28	DSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.429.266	5.863.607	250
29	DSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.687.943	7.222.978	250
30	DSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.972.377	7.530.167	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NGÀM 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 4x1.5	7	0,52			45.409	49.042	2.000
2	DSTA 4x2.5	7	0,67			66.029	71.311	2.000
3	DSTA 4x4.0	7	0,86			97.044	104.808	2.000
4	DSTA 4x6.0	7	1,04			136.094	146.982	2.000
5	DSTA 4x10	7	Compact			212.445	229.441	1.000
6	DSTA 4x16	7	Compact			324.189	350.124	1.000
7	DSTA 4x25	7	Compact			495.188	534.803	1.000
8	DSTA 4x35	7	Compact			677.742	731.961	1.000
9	DSTA 4x50	7	Compact			920.532	994.175	1.000
10	DSTA 4x70	19	Compact			1.322.135	1.427.906	500
11	DSTA 4x95	19	Compact			1.802.832	1.947.059	500
12	DSTA 4x120	19	Compact			2.261.705	2.442.641	500
13	DSTA 4x150	19	Compact			2.804.528	3.028.890	250
14	DSTA 4x185	37	Compact			3.484.995	3.763.795	250
15	DSTA 4x240	37	Compact			4.573.035	4.938.878	250
16	DSTA 4x300	37	Compact			5.715.081	6.172.287	250
17	DSTA 4x400	61	Compact			7.425.518	8.019.559	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NGÀM 5 LỖI (LỖI TIẾP ĐỊA VÀ LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),
CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 3x2.5+2x1.5	7	0,67	7	0,52	70.050	75.654	2.000
2	DSTA 3x4.0+2x2.5	7	0,86	7	0,67	105.075	113.481	2.000
3	DSTA 3x6.0+2x4.0	7	1,04	7	0,86	151.182	163.277	2.000
4	DSTA 3x10+2x6.0	7	Compact	7	1,04	229.254	247.594	1.000
5	DSTA 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	352.727	380.945	1.000
6	DSTA 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	533.407	576.080	1.000
7	DSTA 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	671.415	725.128	1.000
8	DSTA 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	758.689	819.384	1.000
9	DSTA 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	954.730	1.031.108	500
10	DSTA 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	1.046.179	1.129.873	500
11	DSTA 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1.339.740	1.446.919	500
12	DSTA 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1.461.744	1.578.684	500
13	DSTA 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1.822.022	1.967.784	500
14	DSTA 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	2.015.724	2.176.982	250
15	DSTA 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	2.360.314	2.549.139	250
16	DSTA 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2.611.125	2.820.015	250
17	DSTA 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2.771.097	2.992.785	250
18	DSTA 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	3.017.780	3.259.202	250
19	DSTA 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	3.245.371	3.505.001	250
20	DSTA 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	3.528.388	3.810.659	250
21	DSTA 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	3.756.256	4.056.756	250
22	DSTA 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	4.028.515	4.350.796	200
23	DSTA 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	4.581.257	4.947.758	200
24	DSTA 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	4.852.094	5.240.262	200
25	DSTA 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	5.195.372	5.611.002	200
26	DSTA 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	5.748.696	6.208.592	200
27	DSTA 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	6.087.616	6.574.625	200
28	DSTA 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	6.633.628	7.164.318	200
29	DSTA 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	7.902.482	8.534.681	200
30	DSTA 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	8.478.522	9.156.804	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NGÀM 5 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA 5x1.5	7	0,52			54.514	58.875	2.000
2	DSTA 5x2.5	7	0,67			79.844	86.232	2.000
3	DSTA 5x4.0	7	0,86			120.580	130.226	2.000
4	DSTA 5x6.0	7	1,04			169.910	183.503	1.000
5	DSTA 5x10	7	Compact			265.167	286.380	1.000
6	DSTA 5x16	7	Compact			405.544	437.988	1.000
7	DSTA 5x25	7	Compact			626.652	676.784	1.000
8	DSTA 5x35	7	Compact			869.659	939.232	1.000
9	DSTA 5x50	7	Compact			1.167.106	1.260.474	500
10	DSTA 5x70	19	Compact			1.659.355	1.792.103	500
11	DSTA 5x95	19	Compact			2.265.112	2.446.321	500
12	DSTA 5x120	19	Compact			2.839.055	3.066.179	250
13	DSTA 5x150	19	Compact			3.519.906	3.801.498	250
14	DSTA 5x185	37	Compact			4.372.161	4.721.934	250
15	DSTA 5x240	37	Compact			5.776.143	6.238.234	200
16	DSTA 5x300	37	Compact			7.205.807	7.782.272	200
17	DSTA 5x400	61	Compact			9.307.154	10.051.726	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHỐNG THẤM 1 LỖ, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG NHÔM, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC-W
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DATA-W 1x10	7	Compact			63.381	68.451	2.000
2	DATA-W 1x16	7	Compact			92.803	100.227	2.000
3	DATA-W 1x25	7	Compact			138.191	149.246	2.000
4	DATA-W 1x35	7	Compact			184.872	199.662	2.000
5	DATA-W 1x50	7	Compact			243.950	263.466	2.000
6	DATA-W 1x70	19	Compact			343.479	370.957	2.000
7	DATA-W 1x95	19	Compact			464.897	502.089	1.000
8	DATA-W 1x120	19	Compact			579.260	625.601	1.000
9	DATA-W 1x150	19	Compact			715.251	772.471	1.000
10	DATA-W 1x185	37	Compact			886.679	957.613	1.000
11	DATA-W 1x240	37	Compact			1.159.864	1.252.653	1.000
12	DATA-W 1x300	37	Compact			1.447.622	1.563.432	500
13	DATA-W 1x400	61	Compact			1.869.318	2.018.863	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGÀM CHỐNG THẤM 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA-W 3x10	7	Compact			163.253	176.313	1.000
2	DSTA-W 3x16	7	Compact			247.639	267.450	1.000
3	DSTA-W 3x25	7	Compact			376.398	406.510	1.000
4	DSTA-W 3x35	7	Compact			513.227	554.285	1.000
5	DSTA-W 3x50	7	Compact			694.770	750.352	1.000
6	DSTA-W 3x70	19	Compact			989.857	1.069.046	500
7	DSTA-W 3x95	19	Compact			1.365.521	1.474.763	500
8	DSTA-W 3x120	19	Compact			1.708.598	1.845.286	500
9	DSTA-W 3x150	19	Compact			2.118.967	2.288.484	250
10	DSTA-W 3x185	37	Compact			2.634.497	2.845.257	250
11	DSTA-W 3x240	37	Compact			3.454.526	3.730.888	250
12	DSTA-W 3x300	37	Compact			4.311.933	4.656.888	250
13	DSTA-W 3x400	61	Compact			5.583.713	6.030.410	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHỐNG THẤM 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),

CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	DSTA-W 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	297.438	321.233	1.000
2	DSTA-W 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	452.741	488.960	1.000
3	DSTA-W 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	589.131	636.261	1.000
4	DSTA-W 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	633.930	684.644	1.000
5	DSTA-W 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	813.969	879.087	1.000
6	DSTA-W 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	861.098	929.986	1.000
7	DSTA-W 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.168.683	1.262.178	1.000
8	DSTA-W 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.229.243	1.327.582	1.000
9	DSTA-W 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.587.744	1.714.764	500
10	DSTA-W 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.685.485	1.820.324	500
11	DSTA-W 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.028.879	2.191.189	500
12	DSTA-W 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.152.877	2.325.107	500
13	DSTA-W 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.437.036	2.631.999	500
14	DSTA-W 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.561.559	2.766.484	500
15	DSTA-W 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.675.480	2.889.518	250
16	DSTA-W 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.076.161	3.322.254	250
17	DSTA-W 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.193.195	3.448.651	250
18	DSTA-W 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.328.313	3.594.578	250
19	DSTA-W 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	4.006.225	4.326.723	250
20	DSTA-W 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.142.336	4.473.723	250
21	DSTA-W 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.312.694	4.657.710	250
22	DSTA-W 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.999.038	5.398.961	250
23	DSTA-W 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.175.020	5.589.022	250
24	DSTA-W 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.447.533	5.883.336	250
25	DSTA-W 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.713.699	7.250.795	250
26	DSTA-W 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.998.534	7.558.417	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NGÀM CHỐNG THẤM 4 LỖ, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DSTA-W 4x10	7	Compact			213.379	230.449	1.000
2	DSTA-W 4x16	7	Compact			325.537	351.580	1.000
3	DSTA-W 4x25	7	Compact			496.717	536.454	1.000
4	DSTA-W 4x35	7	Compact			679.395	733.747	1.000
5	DSTA-W 4x50	7	Compact			921.233	994.932	1.000
6	DSTA-W 4x70	19	Compact			1.328.185	1.434.440	500
7	DSTA-W 4x95	19	Compact			1.808.966	1.953.683	500
8	DSTA-W 4x120	19	Compact			2.268.597	2.450.085	500
9	DSTA-W 4x150	19	Compact			2.810.689	3.035.544	250
10	DSTA-W 4x185	37	Compact			3.498.475	3.778.353	250
11	DSTA-W 4x240	37	Compact			4.585.257	4.952.078	250
12	DSTA-W 4x300	37	Compact			5.733.775	6.192.477	250
13	DSTA-W 4x400	61	Compact			7.454.332	8.050.679	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải

CÁP CHẬM CHÁY, CHỐNG CHÁY



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHẠM CHÁY ĐƠN, CÁCH ĐIỆN FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/FR-PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-CV 1x1.5 (HFI-75-TP)	7	0,52			7.911	8.544	100
2	FSN-CV 1x2.5 (HFI-75-TP)	7	0,67			12.721	13.739	100
3	FSN-CV 1x4.0 (HFI-75-TP)	7	0,86			20.525	22.167	100
4	FSN-CV 1x6.0 (HFI-75-TP)	7	1,04			29.833	32.220	100
5	FSN-CV 1x10 (HFI-75-TP)	7	Compact			48.176	52.030	100
6	FSN-CV 1x16 (HFI-75-TP)	7	Compact			74.987	80.986	100
7	FSN-CV 1x25 (HFI-75-TP)	7	Compact			117.406	126.798	100
8	FSN-CV 1x35 (HFI-75-TP)	7	Compact			162.005	174.965	2.000
9	FSN-CV 1x50 (HFI-75-TP)	7	Compact			221.481	239.199	2.000
10	FSN-CV 1x70 (HFI-75-TP)	19	Compact			315.878	341.148	2.000
11	FSN-CV 1x95 (HFI-75-TP)	19	Compact			438.468	473.545	2.000
12	FSN-CV 1x120 (HFI-75-TP)	19	Compact			550.927	595.001	1.000
13	FSN-CV 1x150 (HFI-75-TP)	19	Compact			684.543	739.306	1.000
14	FSN-CV 1x185 (HFI-75-TP)	37	Compact			851.583	919.710	1.000
15	FSN-CV 1x240 (HFI-75-TP)	37	Compact			1.122.134	1.211.905	1.000
16	FSN-CV 1x300 (HFI-75-TP)	37	Compact			1.404.485	1.516.844	1.000
17	FSN-CV 1x400 (HFI-75-TP)	61	Compact			1.818.534	1.964.017	500
18	FSN-CV 1x500 (HFI-75-TP)	61	Compact			2.303.170	2.487.424	500
19	FSN-CV 1x630 (HFI-75-TP)	61	Compact			2.973.000	3.210.840	500
20	FSN-CV 1x800 (HFI-75-TP)	61	Compact			3.799.449	4.103.405	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHẠM CHÁY 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/FR-PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-CXV 1x1.5	7	0,52			9.737	10.516	200
2	FSN-CXV 1x2.5	7	0,67			14.681	15.855	200
3	FSN-CXV 1x4.0	7	0,86			22.593	24.400	200
4	FSN-CXV 1x6.0	7	1,04			31.802	34.346	200
5	FSN-CXV 1x10	7	Compact			50.325	54.351	200
6	FSN-CXV 1x16	7	Compact			77.377	83.567	200
7	FSN-CXV 1x25	7	Compact			119.957	129.554	200
8	FSN-CXV 1x35	7	Compact			164.889	178.080	2.000
9	FSN-CXV 1x50	7	Compact			224.212	242.149	2.000
10	FSN-CXV 1x70	19	Compact			319.220	344.758	2.000
11	FSN-CXV 1x95	19	Compact			441.733	477.072	2.000
12	FSN-CXV 1x120	19	Compact			554.907	599.300	1.000
13	FSN-CXV 1x150	19	Compact			688.824	743.930	1.000
14	FSN-CXV 1x185	37	Compact			857.029	925.591	1.000
15	FSN-CXV 1x240	37	Compact			1.126.907	1.217.060	1.000
16	FSN-CXV 1x300	37	Compact			1.408.710	1.521.407	1.000
17	FSN-CXV 1x400	61	Compact			1.825.008	1.971.009	500
18	FSN-CXV 1x500	61	Compact			2.309.531	2.494.293	500
19	FSN-CXV 1x630	61	Compact			2.983.193	3.221.848	500
20	FSN-CXV 1x800	61	Compact			3.814.247	4.119.387	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHẠM CHÁY 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-CXV 2x1.5 (Đặc)	7	0,52			22.475	24.273	200
2	FSN-CXV 2x2.5 (Đặc)	7	0,67			32.885	35.516	200
3	FSN-CXV 2x4.0 (Đặc)	7	0,86			49.173	53.107	200
4	FSN-CXV 2x6.0	7	1,04			68.690	74.185	3.000
5	FSN-CXV 2x10	7	Compact			106.869	115.419	2.000
6	FSN-CXV 2x16	7	Compact			162.385	175.376	2.000
7	FSN-CXV 2x25	7	Compact			250.195	270.211	2.000
8	FSN-CXV 2x35	7	Compact			341.835	369.182	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP CHẠM CHÁY 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-CXV 3x1.5	7	0,52			31.253	33.753	2.000
2	FSN-CXV 3x2.5	7	0,67			45.982	49.661	2.000
3	FSN-CXV 3x4.0	7	0,86			70.269	75.891	2.000
4	FSN-CXV 3x6.0	7	1,04			99.405	107.357	2.000
5	FSN-CXV 3x10	7	Compact			156.470	168.988	2.000
6	FSN-CXV 3x16	7	Compact			235.258	254.079	2.000
7	FSN-CXV 3x25	7	Compact			364.668	393.841	1.000
8	FSN-CXV 3x35	7	Compact			499.006	538.926	1.000
9	FSN-CXV 3x50	7	Compact			678.272	732.534	1.000
10	FSN-CXV 3x70	19	Compact			967.042	1.044.405	1.000
11	FSN-CXV 3x95	19	Compact			1.336.544	1.443.468	1.000
12	FSN-CXV 3x120	19	Compact			1.679.378	1.813.728	1.000
13	FSN-CXV 3x150	19	Compact			2.084.453	2.251.209	500
14	FSN-CXV 3x185	37	Compact			2.590.528	2.797.770	500
15	FSN-CXV 3x240	37	Compact			3.409.228	3.681.966	250
16	FSN-CXV 3x300	37	Compact			4.260.917	4.601.790	250
17	FSN-CXV 3x400	61	Compact			5.513.848	5.954.956	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP CHẠM CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),
CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/FR-PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	FSN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	54.728	59.106	2.000
2	FSN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0,86	7	0,67	84.029	90.751	2.000
3	FSN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1,04	7	0,86	120.305	129.929	2.000
4	FSN-CXV 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1,04	186.435	201.350	1.000
5	FSN-CXV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	288.754	311.854	1.000
6	FSN-CXV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	443.762	479.263	1.000
7	FSN-CXV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	579.049	625.373	1.000
8	FSN-CXV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	622.958	672.795	1.000
9	FSN-CXV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	804.199	868.535	1.000
10	FSN-CXV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	849.530	917.492	1.000
11	FSN-CXV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.139.458	1.230.615	1.000
12	FSN-CXV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.199.252	1.295.192	1.000
13	FSN-CXV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.557.072	1.681.638	500
14	FSN-CXV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.653.958	1.786.275	500
15	FSN-CXV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1.996.307	2.156.012	500
16	FSN-CXV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.118.955	2.288.471	500
17	FSN-CXV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.398.460	2.590.337	500
18	FSN-CXV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.521.081	2.722.767	500
19	FSN-CXV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.635.915	2.846.788	500
20	FSN-CXV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.030.243	3.272.662	500
21	FSN-CXV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.145.467	3.397.104	500
22	FSN-CXV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.279.456	3.541.812	500
23	FSN-CXV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3.960.079	4.276.885	250
24	FSN-CXV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.094.238	4.421.777	250
25	FSN-CXV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.262.415	4.603.408	250
26	FSN-CXV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.942.127	5.337.497	250
27	FSN-CXV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.112.385	5.521.376	250
28	FSN-CXV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.384.762	5.815.543	250
29	FSN-CXV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.645.414	7.177.047	250
30	FSN-CXV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.930.936	7.485.411	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP CHẠM CHÁY 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-CXV 4x1.5	7	0,52			39.488	42.647	2.000
2	FSN-CXV 4x2.5	7	0,67			59.730	64.508	2.000
3	FSN-CXV 4x4.0	7	0,86			91.269	98.571	2.000
4	FSN-CXV 4x6.0	7	1,04			129.988	140.387	2.000
5	FSN-CXV 4x10	7	Compact			205.559	222.004	2.000
6	FSN-CXV 4x16	7	Compact			313.805	338.909	1.000
7	FSN-CXV 4x25	7	Compact			486.939	525.894	1.000
8	FSN-CXV 4x35	7	Compact			668.129	721.579	1.000
9	FSN-CXV 4x50	7	Compact			909.254	981.994	1.000
10	FSN-CXV 4x70	19	Compact			1.297.544	1.401.348	1.000
11	FSN-CXV 4x95	19	Compact			1.777.286	1.919.469	500
12	FSN-CXV 4x120	19	Compact			2.232.262	2.410.843	500
13	FSN-CXV 4x150	19	Compact			2.772.130	2.993.900	500
14	FSN-CXV 4x185	37	Compact			3.449.144	3.725.076	500
15	FSN-CXV 4x240	37	Compact			4.534.990	4.897.789	250
16	FSN-CXV 4x300	37	Compact			5.668.627	6.122.117	250
17	FSN-CXV 4x400	61	Compact			7.341.338	7.928.645	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGÀM CHẠM CHÁY 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-DSTA 2x1.5 (Đặc)	7	0,52			29.705	32.081	2.000
2	FSN-DSTA 2x2.5 (Đặc)	7	0,67			40.687	43.942	2.000
3	FSN-DSTA 2x4.0 (Đặc)	7	0,86			57.321	61.907	2.000
4	FSN-DSTA 2x6.0	7	1,04			78.780	85.082	2.000
5	FSN-DSTA 2x10	7	Compact			117.972	127.410	2.000
6	FSN-DSTA 2x16	7	Compact			175.674	189.728	1.000
7	FSN-DSTA 2x25	7	Compact			263.736	284.835	1.000
8	FSN-DSTA 2x35	7	Compact			356.118	384.607	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHẠM CHÁY 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-DSTA 3x1.5	7	0,52			40.767	44.028	2.000
2	FSN-DSTA 3x2.5	7	0,67			56.963	61.520	2.000
3	FSN-DSTA 3x4.0	7	0,86			80.907	87.380	2.000
4	FSN-DSTA 3x6.0	7	1,04			109.842	118.629	2.000
5	FSN-DSTA 3x10	7	Compact			167.628	181.038	2.000
6	FSN-DSTA 3x16	7	Compact			252.491	272.690	1.000
7	FSN-DSTA 3x25	7	Compact			382.076	412.642	1.000
8	FSN-DSTA 3x35	7	Compact			519.572	561.138	1.000
9	FSN-DSTA 3x50	7	Compact			703.391	759.662	1.000
10	FSN-DSTA 3x70	19	Compact			1.000.270	1.080.292	1.000
11	FSN-DSTA 3x95	19	Compact			1.374.763	1.484.744	500
12	FSN-DSTA 3x120	19	Compact			1.721.535	1.859.258	500
13	FSN-DSTA 3x150	19	Compact			2.133.601	2.304.289	500
14	FSN-DSTA 3x185	37	Compact			2.646.858	2.858.607	250
15	FSN-DSTA 3x240	37	Compact			3.472.507	3.750.308	250
16	FSN-DSTA 3x300	37	Compact			4.329.522	4.675.884	250
17	FSN-DSTA 3x400	61	Compact			5.599.717	6.047.694	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NGÀM CHẠM CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),
CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	FSN-DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	64.805	69.989	2.000
2	FSN-DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0,86	7	0,67	95.014	102.615	2.000
3	FSN-DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1,04	7	0,86	131.151	141.644	2.000
4	FSN-DSTA 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1,04	198.456	214.333	2.000
5	FSN-DSTA 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	302.219	326.396	1.000
6	FSN-DSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	458.262	494.923	1.000
7	FSN-DSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	595.174	642.788	1.000
8	FSN-DSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	640.586	691.833	1.000
9	FSN-DSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	822.130	887.901	1.000
10	FSN-DSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	870.101	939.709	1.000
11	FSN-DSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.176.654	1.270.786	1.000
12	FSN-DSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.237.450	1.336.446	1.000
13	FSN-DSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.597.186	1.724.961	500
14	FSN-DSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.694.059	1.829.583	500
15	FSN-DSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.040.668	2.203.922	500
16	FSN-DSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.165.784	2.339.047	500
17	FSN-DSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.450.444	2.646.480	500
18	FSN-DSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.575.315	2.781.340	500
19	FSN-DSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.689.367	2.904.516	250
20	FSN-DSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.086.326	3.333.232	250
21	FSN-DSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.204.521	3.460.883	250
22	FSN-DSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.339.782	3.606.965	250
23	FSN-DSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	4.021.676	4.343.410	250
24	FSN-DSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.159.028	4.491.750	250
25	FSN-DSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.328.386	4.674.656	250
26	FSN-DSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	5.012.927	5.413.961	250
27	FSN-DSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.188.849	5.603.957	250
28	FSN-DSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.464.504	5.901.664	250
29	FSN-DSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.725.451	7.263.487	250
30	FSN-DSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	7.011.920	7.572.873	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026
TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHẠM CHÁY 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-DSTA 4x1.5	7	0,52			49.272	53.214	2.000
2	FSN-DSTA 4x2.5	7	0,67			70.202	75.818	2.000
3	FSN-DSTA 4x4.0	7	0,86			101.629	109.759	2.000
4	FSN-DSTA 4x6.0	7	1,04			141.162	152.455	2.000
5	FSN-DSTA 4x10	7	Compact			217.965	235.402	1.000
6	FSN-DSTA 4x16	7	Compact			330.455	356.891	1.000
7	FSN-DSTA 4x25	7	Compact			502.426	542.620	1.000
8	FSN-DSTA 4x35	7	Compact			686.319	741.225	1.000
9	FSN-DSTA 4x50	7	Compact			930.754	1.005.214	1.000
10	FSN-DSTA 4x70	19	Compact			1.335.678	1.442.532	500
11	FSN-DSTA 4x95	19	Compact			1.819.101	1.964.629	500
12	FSN-DSTA 4x120	19	Compact			2.282.474	2.465.072	500
13	FSN-DSTA 4x150	19	Compact			2.826.806	3.052.950	250
14	FSN-DSTA 4x185	37	Compact			3.511.300	3.792.204	250
15	FSN-DSTA 4x240	37	Compact			4.604.482	4.972.841	250
16	FSN-DSTA 4x300	37	Compact			5.751.503	6.211.623	250
17	FSN-DSTA 4x400	61	Compact			7.470.728	8.068.386	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY ĐƠN, CÁCH ĐIỆN FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/FR-PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CV 1x1.5 (HFI-75-TP)	7	0,52			9.860	10.649	100
2	FRN-CV 1x2.5 (HFI-75-TP)	7	0,67			14.641	15.812	100
3	FRN-CV 1x4.0 (HFI-75-TP)	7	0,86			23.316	25.182	100
4	FRN-CV 1x6.0 (HFI-75-TP)	7	1,04			33.275	35.937	100
5	FRN-CV 1x10 (HFI-75-TP)	7	Compact			50.554	54.599	100
6	FRN-CV 1x16 (HFI-75-TP)	7	Compact			77.976	84.214	100
7	FRN-CV 1x25 (HFI-75-TP)	7	Compact			120.635	130.286	100
8	FRN-CV 1x35 (HFI-75-TP)	7	Compact			165.654	178.907	2.000
9	FRN-CV 1x50 (HFI-75-TP)	7	Compact			225.590	243.637	2.000
10	FRN-CV 1x70 (HFI-75-TP)	19	Compact			320.573	346.219	2.000
11	FRN-CV 1x95 (HFI-75-TP)	19	Compact			443.859	479.367	2.000
12	FRN-CV 1x120 (HFI-75-TP)	19	Compact			556.766	601.307	1.000
13	FRN-CV 1x150 (HFI-75-TP)	19	Compact			691.011	746.292	1.000
14	FRN-CV 1x185 (HFI-75-TP)	37	Compact			859.519	928.280	1.000
15	FRN-CV 1x240 (HFI-75-TP)	37	Compact			1.131.178	1.221.672	1.000
16	FRN-CV 1x300 (HFI-75-TP)	37	Compact			1.414.629	1.527.799	1.000
17	FRN-CV 1x400 (HFI-75-TP)	61	Compact			1.831.078	1.977.564	500
18	FRN-CV 1x500 (HFI-75-TP)	61	Compact			2.318.129	2.503.579	500
19	FRN-CV 1x630 (HFI-75-TP)	61	Compact			2.991.024	3.230.305	500
20	FRN-CV 1x800 (HFI-75-TP)	61	Compact			3.822.468	4.128.265	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CXV 1x1.5	7	0,52			12.145	13.116	100
2	FRN-CXV 1x2.5	7	0,67			16.982	18.340	100
3	FRN-CXV 1x4.0	7	0,86			25.524	27.566	100
4	FRN-CXV 1x6.0	7	1,04			35.629	38.480	100
5	FRN-CXV 1x10	7	Compact			52.982	57.221	100
6	FRN-CXV 1x16	7	Compact			80.686	87.141	100
7	FRN-CXV 1x25	7	Compact			123.517	133.398	100
8	FRN-CXV 1x35	7	Compact			168.931	182.445	2.000
9	FRN-CXV 1x50	7	Compact			228.832	247.138	2.000
10	FRN-CXV 1x70	19	Compact			324.670	350.644	2.000
11	FRN-CXV 1x95	19	Compact			447.766	483.587	2.000
12	FRN-CXV 1x120	19	Compact			562.136	607.107	1.000
13	FRN-CXV 1x150	19	Compact			696.241	751.941	1.000
14	FRN-CXV 1x185	37	Compact			865.721	934.979	1.000
15	FRN-CXV 1x240	37	Compact			1.137.336	1.228.323	1.000
16	FRN-CXV 1x300	37	Compact			1.420.934	1.534.609	1.000
17	FRN-CXV 1x400	61	Compact			1.838.788	1.985.891	500
18	FRN-CXV 1x500	61	Compact			2.326.780	2.512.922	500
19	FRN-CXV 1x630	61	Compact			3.004.545	3.244.909	500
20	FRN-CXV 1x800	61	Compact			3.839.454	4.146.611	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/FR-PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CXV 2x1.5 (Đặc)	7	0,52			27.655	29.867	200
2	FRN-CXV 2x2.5 (Đặc)	7	0,67			39.675	42.849	200
3	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	7	0,86			55.720	60.178	200
4	FRN-CXV 2x6.0	7	1,04			76.562	82.687	3.000
5	FRN-CXV 2x10	7	Compact			111.670	120.604	2.000
6	FRN-CXV 2x16	7	Compact			166.568	179.893	2.000
7	FRN-CXV 2x25	7	Compact			255.660	276.113	2.000
8	FRN-CXV 2x35	7	Compact			347.438	375.233	1.000
9	FRN-CXV 2x50	7	Compact			469.182	506.717	1.000
10	FRN-CXV 2x70	19	Compact			664.171	717.305	1.000
11	FRN-CXV 2x95	19	Compact			915.169	988.383	1.000
12	FRN-CXV 2x120	19	Compact			1.146.711	1.238.448	500
13	FRN-CXV 2x150	19	Compact			1.420.172	1.533.786	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/FR-PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CXV 3x1.5	7	0,52			39.100	42.228	2.000
2	FRN-CXV 3x2.5	7	0,67			55.853	60.322	2.000
3	FRN-CXV 3x4.0	7	0,86			79.793	86.176	2.000
4	FRN-CXV 3x6.0	7	1,04			110.563	119.408	2.000
5	FRN-CXV 3x10	7	Compact			163.236	176.295	2.000
6	FRN-CXV 3x16	7	Compact			243.282	262.745	2.000
7	FRN-CXV 3x25	7	Compact			375.834	405.901	1.000
8	FRN-CXV 3x35	7	Compact			512.219	553.196	1.000
9	FRN-CXV 3x50	7	Compact			693.585	749.071	1.000
10	FRN-CXV 3x70	19	Compact			983.653	1.062.345	1.000
11	FRN-CXV 3x95	19	Compact			1.356.166	1.464.660	1.000
12	FRN-CXV 3x120	19	Compact			1.702.286	1.838.469	1.000
13	FRN-CXV 3x150	19	Compact			2.106.880	2.275.431	500
14	FRN-CXV 3x185	37	Compact			2.621.290	2.830.994	500
15	FRN-CXV 3x240	37	Compact			3.443.199	3.718.655	250
16	FRN-CXV 3x300	37	Compact			4.296.178	4.639.873	250
17	FRN-CXV 3x400	61	Compact			5.562.993	6.008.033	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP CHỐNG CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),

CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm:

Cu/Mica/XLPE/FR-PVC

Cấp điện áp:

0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	FRN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	66.640	71.971	2.000
2	FRN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0,86	7	0,67	99.825	107.811	2.000
3	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1,04	7	0,86	133.873	144.583	2.000
4	FRN-CXV 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1,04	204.786	221.169	1.000
5	FRN-CXV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	313.458	338.534	1.000
6	FRN-CXV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	457.211	493.788	1.000
7	FRN-CXV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	594.670	642.243	1.000
8	FRN-CXV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	638.989	690.108	1.000
9	FRN-CXV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	821.836	887.583	1.000
10	FRN-CXV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	867.682	937.096	1.000
11	FRN-CXV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.161.647	1.254.579	1.000
12	FRN-CXV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.221.975	1.319.733	1.000
13	FRN-CXV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.581.459	1.707.975	500
14	FRN-CXV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.678.447	1.812.722	500
15	FRN-CXV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.022.056	2.183.820	500
16	FRN-CXV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.146.873	2.318.622	500
17	FRN-CXV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.427.926	2.622.160	500
18	FRN-CXV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.551.481	2.755.600	500
19	FRN-CXV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.667.650	2.881.062	500
20	FRN-CXV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.064.940	3.310.135	500
21	FRN-CXV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.180.710	3.435.167	500
22	FRN-CXV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.315.518	3.580.759	500
23	FRN-CXV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3.997.829	4.317.656	250
24	FRN-CXV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.134.624	4.465.393	250
25	FRN-CXV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.304.228	4.648.566	250
26	FRN-CXV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4.986.776	5.385.718	250
27	FRN-CXV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.159.574	5.572.340	250
28	FRN-CXV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.431.952	5.866.508	250
29	FRN-CXV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.698.229	7.234.087	250
30	FRN-CXV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	6.987.120	7.546.090	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/FR-PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CXV 4x1.5	7	0,52			49.407	53.359	2.000
2	FRN-CXV 4x2.5	7	0,67			72.328	78.114	2.000
3	FRN-CXV 4x4.0	7	0,86			103.308	111.573	2.000
4	FRN-CXV 4x6.0	7	1,04			144.133	155.664	2.000
5	FRN-CXV 4x10	7	Compact			214.600	231.768	2.000
6	FRN-CXV 4x16	7	Compact			324.583	350.550	1.000
7	FRN-CXV 4x25	7	Compact			502.155	542.328	1.000
8	FRN-CXV 4x35	7	Compact			685.993	740.873	1.000
9	FRN-CXV 4x50	7	Compact			928.976	1.003.294	1.000
10	FRN-CXV 4x70	19	Compact			1.320.074	1.425.680	1.000
11	FRN-CXV 4x95	19	Compact			1.803.246	1.947.505	500
12	FRN-CXV 4x120	19	Compact			2.260.844	2.441.712	500
13	FRN-CXV 4x150	19	Compact			2.803.869	3.028.178	500
14	FRN-CXV 4x185	37	Compact			3.484.993	3.763.792	500
15	FRN-CXV 4x240	37	Compact			4.577.996	4.944.236	250
16	FRN-CXV 4x300	37	Compact			5.721.798	6.179.542	250
17	FRN-CXV 4x400	61	Compact			7.403.112	7.995.360	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CHỐNG CHÁY 5 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-CXV 5x1.5	7	0,52			56.273	60.775	2.000
2	FRN-CXV 5x2.5	7	0,67			82.446	89.042	2.000
3	FRN-CXV 5x4.0	7	0,86			123.162	133.015	2.000
4	FRN-CXV 5x6.0	7	1,04			172.273	186.055	2.000
5	FRN-CXV 5x10	7	Compact			268.564	290.049	2.000
6	FRN-CXV 5x16	7	Compact			406.743	439.282	1.000
7	FRN-CXV 5x25	7	Compact			629.955	680.351	1.000
8	FRN-CXV 5x35	7	Compact			861.684	930.619	1.000
9	FRN-CXV 5x50	7	Compact			1.167.287	1.260.670	1.000
10	FRN-CXV 5x70	19	Compact			1.658.496	1.791.176	1.000
11	FRN-CXV 5x95	19	Compact			2.263.856	2.444.964	500
12	FRN-CXV 5x120	19	Compact			2.839.186	3.066.321	500
13	FRN-CXV 5x150	19	Compact			3.518.624	3.800.114	500
14	FRN-CXV 5x185	37	Compact			4.375.587	4.725.634	500
15	FRN-CXV 5x240	37	Compact			5.750.126	6.210.136	250
16	FRN-CXV 5x300	37	Compact			7.183.691	7.758.386	250
17	FRN-CXV 5x400	61	Compact			9.294.831	10.038.417	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGÀM CHỐNG CHÁY 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-DSTA 2x1.5 (Đặc)	7	0,52			32.883	35.514	2.000
2	FRN-DSTA 2x2.5 (Đặc)	7	0,67			44.120	47.650	2.000
3	FRN-DSTA 2x4.0 (Đặc)	7	0,86			61.951	66.907	2.000
4	FRN-DSTA 2x6.0	7	1,04			83.763	90.464	2.000
5	FRN-DSTA 2x10	7	Compact			123.322	133.188	2.000
6	FRN-DSTA 2x16	7	Compact			182.242	196.821	1.000
7	FRN-DSTA 2x25	7	Compact			272.696	294.512	1.000
8	FRN-DSTA 2x35	7	Compact			366.519	395.841	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHỐNG CHÁY 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-DSTA 3x1.5	7	0,52			45.821	49.487	2.000
2	FRN-DSTA 3x2.5	7	0,67			62.387	67.378	2.000
3	FRN-DSTA 3x4.0	7	0,86			86.988	93.947	2.000
4	FRN-DSTA 3x6.0	7	1,04			116.337	125.644	2.000
5	FRN-DSTA 3x10	7	Compact			175.036	189.039	2.000
6	FRN-DSTA 3x16	7	Compact			261.318	282.223	1.000
7	FRN-DSTA 3x25	7	Compact			394.427	425.981	1.000
8	FRN-DSTA 3x35	7	Compact			534.547	577.311	1.000
9	FRN-DSTA 3x50	7	Compact			719.079	776.605	1.000
10	FRN-DSTA 3x70	19	Compact			1.030.356	1.112.784	1.000
11	FRN-DSTA 3x95	19	Compact			1.395.487	1.507.126	500
12	FRN-DSTA 3x120	19	Compact			1.744.513	1.884.074	500
13	FRN-DSTA 3x150	19	Compact			2.158.026	2.330.668	500
14	FRN-DSTA 3x185	37	Compact			2.676.040	2.890.123	250
15	FRN-DSTA 3x240	37	Compact			3.503.444	3.783.720	250
16	FRN-DSTA 3x300	37	Compact			4.364.800	4.713.984	250
17	FRN-DSTA 3x400	61	Compact			5.644.403	6.095.955	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NGẦM CHỐNG CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),
CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332
 Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	FRN-DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0,67	7	0,52	71.885	77.636	2.000
2	FRN-DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0,86	7	0,67	103.222	111.480	2.000
3	FRN-DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1,04	7	0,86	139.702	150.878	2.000
4	FRN-DSTA 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1,04	207.899	224.531	2.000
5	FRN-DSTA 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	313.219	338.277	1.000
6	FRN-DSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	473.254	511.114	1.000
7	FRN-DSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	613.007	662.048	1.000
8	FRN-DSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	657.964	710.601	1.000
9	FRN-DSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	843.721	911.219	1.000
10	FRN-DSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	892.224	963.602	1.000
11	FRN-DSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	1.198.650	1.294.542	1.000
12	FRN-DSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1.260.961	1.361.838	1.000
13	FRN-DSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1.624.094	1.754.022	500
14	FRN-DSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1.723.024	1.860.866	500
15	FRN-DSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	2.070.356	2.235.984	500
16	FRN-DSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	2.197.108	2.372.877	500
17	FRN-DSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2.482.387	2.680.978	500
18	FRN-DSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2.608.711	2.817.408	500
19	FRN-DSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2.723.499	2.941.379	250
20	FRN-DSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	3.126.371	3.376.481	250
21	FRN-DSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	3.241.550	3.500.874	250
22	FRN-DSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	3.379.620	3.649.990	250
23	FRN-DSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	4.065.109	4.390.318	250
24	FRN-DSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	4.204.529	4.540.891	250
25	FRN-DSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	4.375.622	4.725.672	250
26	FRN-DSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	5.066.349	5.471.657	250
27	FRN-DSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	5.237.605	5.656.613	250
28	FRN-DSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	5.519.793	5.961.376	250
29	FRN-DSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	6.790.040	7.333.243	250
30	FRN-DSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	7.115.474	7.684.712	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NGẦM CHỐNG CHÁY 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FRN-DSTA 4x1.5	7	0,52			55.563	60.008	2.000
2	FRN-DSTA 4x2.5	7	0,67			76.665	82.798	2.000
3	FRN-DSTA 4x4.0	7	0,86			109.131	117.861	2.000
4	FRN-DSTA 4x6.0	7	1,04			148.933	160.848	2.000
5	FRN-DSTA 4x10	7	Compact			227.280	245.462	1.000
6	FRN-DSTA 4x16	7	Compact			340.854	368.122	1.000
7	FRN-DSTA 4x25	7	Compact			518.734	560.233	1.000
8	FRN-DSTA 4x35	7	Compact			703.905	760.217	1.000
9	FRN-DSTA 4x50	7	Compact			969.876	1.047.466	1.000
10	FRN-DSTA 4x70	19	Compact			1.358.167	1.466.820	500
11	FRN-DSTA 4x95	19	Compact			1.845.293	1.992.916	500
12	FRN-DSTA 4x120	19	Compact			2.310.254	2.495.074	500
13	FRN-DSTA 4x150	19	Compact			2.857.207	3.085.784	250
14	FRN-DSTA 4x185	37	Compact			3.545.726	3.829.384	250
15	FRN-DSTA 4x240	37	Compact			4.647.796	5.019.620	250
16	FRN-DSTA 4x300	37	Compact			5.800.662	6.264.715	250
17	FRN-DSTA 4x400	61	Compact			7.524.250	8.126.190	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải

CÁP CAO SU



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP HÀN HỒ QUANG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 9615-6/ IEC 60245-6
 Quy cách sản phẩm: Cu/NR
 Cấp điện áp: 450/750V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CNR 1x16	497	0,20			85.901	92.773	200
2	CNR 1x25	763	0,20			129.778	140.160	200
3	CNR 1x35	1071	0,20			180.357	194.786	200
4	CNR 1x50	1520	0,20			256.711	277.248	200
5	CNR 1x70	2128	0,20			357.391	385.982	200
6	CNR 1x95	2907	0,20			486.123	525.013	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CAO SU 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN CAO SU, VỎ NGOÀI CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CRR 1x1.5	25	0,26			9.882	10.673	200
2	CRR 1x2.5	42	0,26			14.984	16.183	200
3	CRR 1x4.0	58	0,28			22.237	24.016	200
4	CRR 1x6.0	88	0,28			31.657	34.190	200
5	CRR 1x10	154	0,28			53.017	57.258	2.000
6	CRR 1x16	238	0,28			79.877	86.267	2.000
7	CRR 1x25	371	0,28			122.546	132.350	2.000
8	CRR 1x35	518	0,28			169.354	182.902	2.000
9	CRR 1x50	741	0,28			244.386	263.937	1.000
10	CRR 1x70	418	0,45			350.300	378.324	1.000
11	CRR 1x95	551	0,45			460.557	497.402	1.000

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP CAO SU 2 LỖI, CÁCH ĐIỆN CAO SU, VỎ NGOÀI CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CRR 2x1.5	25	0,26			22.619	24.429	200
2	CRR 2x2.5	42	0,26			33.158	35.811	200
3	CRR 2x4.0	58	0,28			49.032	52.955	200
4	CRR 2x6.0	88	0,28			68.533	74.016	200
5	CRR 2x10	154	0,28			113.581	122.667	1.000
6	CRR 2x16	238	0,28			169.092	182.619	1.000
7	CRR 2x25	371	0,28			258.020	278.662	1.000
8	CRR 2x35	518	0,28			351.395	379.507	1.000
9	CRR 2x50	741	0,28			503.732	544.031	500
10	CRR 2x70	418	0,45			718.511	775.992	500
11	CRR 2x95	551	0,45			942.378	1.017.768	500

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CAO SU 3 LỖI, CÁCH ĐIỆN CAO SU, VỎ NGOÀI CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CRR 3x1.5	25	0,26			30.954	33.430	200
2	CRR 3x2.5	42	0,26			46.087	49.774	200
3	CRR 3x4.0	58	0,28			68.623	74.113	200
4	CRR 3x6.0	88	0,28			97.264	105.045	200
5	CRR 3x10	154	0,28			163.261	176.322	1.000
6	CRR 3x16	238	0,28			245.142	264.753	1.000
7	CRR 3x25	371	0,28			376.167	406.260	1.000
8	CRR 3x35	518	0,28			517.438	558.833	1.000
9	CRR 3x50	741	0,28			745.296	804.920	500
10	CRR 3x70	418	0,45			1.067.357	1.152.746	500
11	CRR 3x95	551	0,45			1.403.720	1.516.018	500

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP CAO SU 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÁCH ĐIỆN CAO SU, VỎ NGOÀI CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CRR 3x2.5+1x1.5	42	0,26	25	0,26	54.222	58.560	200
2	CRR 3x4.0+1x2.5	58	0,28	42	0,26	81.505	88.025	200
3	CRR 3x6.0+1x4.0	88	0,28	58	0,28	116.848	126.196	200
4	CRR 3x10+1x6.0	154	0,28	88	0,28	192.351	207.739	200
5	CRR 3x16+1x10	238	0,28	154	0,28	295.211	318.828	1.000
6	CRR 3x25+1x16	371	0,28	238	0,28	451.734	487.873	1.000
7	CRR 3x35+1x16	518	0,28	238	0,28	596.729	644.467	1.000
8	CRR 3x35+1x25	518	0,28	371	0,28	640.941	692.216	1.000
9	CRR 3x50+1x25	741	0,28	371	0,28	862.214	931.191	1.000
10	CRR 3x50+1x35	741	0,28	518	0,28	909.539	982.302	500
11	CRR 3x70+1x35	418	0,45	518	0,28	1.228.708	1.327.005	500
12	CRR 3x70+1x50	418	0,45	741	0,28	1.302.107	1.406.276	500
13	CRR 3x95+1x50	551	0,45	741	0,28	1.635.464	1.766.301	500
14	CRR 3x95+1x70	551	0,45	418	0,45	1.743.096	1.882.544	500

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP CAO SU 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN CAO SU, VỎ NGOÀI CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	CRR 4x1.5	25	0,26			39.427	42.581	200
2	CRR 4x2.5	42	0,26			59.705	64.481	200
3	CRR 4x4.0	58	0,28			88.872	95.982	200
4	CRR 4x6.0	88	0,28			126.902	137.054	200
5	CRR 4x10	154	0,28			215.183	232.398	1.000
6	CRR 4x16	238	0,28			323.941	349.856	1.000
7	CRR 4x25	371	0,28			497.176	536.950	1.000
8	CRR 4x35	518	0,28			691.064	746.349	500
9	CRR 4x50	741	0,28			987.532	1.066.535	500
10	CRR 4x70	418	0,45			1.415.276	1.528.498	500
11	CRR 4x95	551	0,45			1.864.874	2.014.064	500

CADI-SUN cam kết

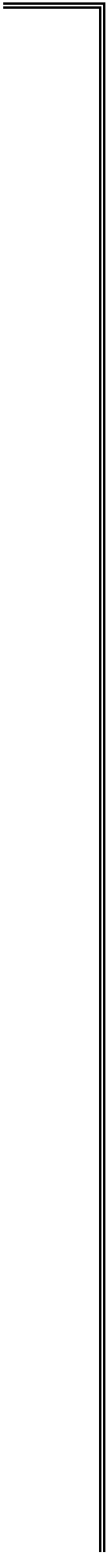
- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải

CẤP ĐIỀU KHIỂN





Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỆU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC

Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DVV 2x0.5	20	0,18			8.413	9.086	500
2	DVV 2x0.75	30	0,18			11.719	12.657	500
3	DVV 2x1.0	30	0,20			14.509	15.670	500
4	DVV 2x1.5	30	0,24			19.801	21.385	500
5	DVV 2x2.5	50	0,24			31.478	33.996	500
6	DVV 3x0.5	20	0,18			11.487	12.406	500
7	DVV 3x0.75	30	0,18			16.487	17.806	500
8	DVV 3x1.0	30	0,20			20.407	22.040	500
9	DVV 3x1.5	30	0,24			28.142	30.393	500
10	DVV 3x2.5	50	0,24			45.123	48.733	500
11	DVV 4x0.5	20	0,18			15.016	16.217	500
12	DVV 4x0.75	30	0,18			21.208	22.905	500
13	DVV 4x1.0	30	0,20			26.258	28.359	500
14	DVV 4x1.5	30	0,24			36.462	39.379	500
15	DVV 4x2.5	50	0,24			58.506	63.186	500
16	DVV 5x0.5	20	0,18			18.197	19.653	500
17	DVV 5x0.75	30	0,18			25.905	27.977	500
18	DVV 5x1.0	30	0,20			32.025	34.587	500
19	DVV 5x1.5	30	0,24			44.473	48.031	500
20	DVV 5x2.5	50	0,24			71.027	76.709	500
21	DVV 6x0.5	20	0,18			21.650	23.382	500
22	DVV 6x0.75	30	0,18			30.550	32.994	500
23	DVV 6x1.0	30	0,20			38.196	41.252	500
24	DVV 6x1.5	30	0,24			53.354	57.622	500
25	DVV 6x2.5	50	0,24			85.303	92.127	500
26	DVV 7x0.5	20	0,18			24.601	26.569	500
27	DVV 7x0.75	30	0,18			35.295	38.119	500
28	DVV 7x1.0	30	0,20			43.837	47.344	500
29	DVV 7x1.5	30	0,24			60.820	65.686	500
30	DVV 7x2.5	50	0,24			98.134	105.985	500
31	DVV 8x0.5	20	0,18			27.870	30.100	500
32	DVV 8x0.75	30	0,18			39.813	42.998	500
33	DVV 8x1.0	30	0,20			49.361	53.310	500
34	DVV 8x1.5	30	0,24			68.711	74.208	500
35	DVV 8x2.5	50	0,24			111.213	120.110	500
36	DVV 9x0.5	20	0,18			34.034	36.757	500
37	DVV 9x0.75	30	0,18			46.349	50.057	500
38	DVV 9x1.0	30	0,20			56.879	61.429	500
39	DVV 9x1.5	30	0,24			78.582	84.869	500
40	DVV 9x2.5	50	0,24			126.220	136.318	500
41	DVV 10x0.5	20	0,18			37.378	40.368	200



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỆU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
42	DVV 10x0.75	30	0,18			51.185	55.280	200
43	DVV 10x1.0	30	0,20			62.875	67.905	200
44	DVV 10x1.5	30	0,24			87.158	94.131	200
45	DVV 10x2.5	50	0,24			140.271	151.493	200
46	DVV 12x0.5	20	0,18			43.488	46.967	200
47	DVV 12x0.75	30	0,18			59.983	64.782	200
48	DVV 12x1.0	30	0,20			74.482	80.441	200
49	DVV 12x1.5	30	0,24			102.921	111.155	200
50	DVV 12x2.5	50	0,24			166.365	179.674	200
51	DVV 14x0.5	20	0,18			49.158	53.091	200
52	DVV 14x0.75	30	0,18			69.659	75.232	200
53	DVV 14x1.0	30	0,20			85.758	92.619	200
54	DVV 14x1.5	30	0,24			119.513	129.074	200
55	DVV 14x2.5	50	0,24			193.551	209.035	200
56	DVV 16x0.5	20	0,18			55.040	59.443	200
57	DVV 16x0.75	30	0,18			78.036	84.279	200
58	DVV 16x1.0	30	0,20			96.622	104.352	200
59	DVV 16x1.5	30	0,24			134.737	145.516	200
60	DVV 16x2.5	50	0,24			218.823	236.329	200
61	DVV 18x0.5	20	0,18			61.422	66.336	200
62	DVV 18x0.75	30	0,18			87.270	94.252	200
63	DVV 18x1.0	30	0,20			107.909	116.542	200
64	DVV 18x1.5	30	0,24			150.996	163.076	200
65	DVV 18x2.5	50	0,24			246.008	265.689	200
66	DVV 19x0.5	20	0,18			64.305	69.449	200
67	DVV 19x0.75	30	0,18			91.476	98.794	200
68	DVV 19x1.0	30	0,20			113.649	122.741	200
69	DVV 19x1.5	30	0,24			159.208	171.945	200
70	DVV 19x2.5	50	0,24			259.124	279.854	200
71	DVV 20x0.5	20	0,18			67.899	73.331	200
72	DVV 20x0.75	30	0,18			96.336	104.043	200
73	DVV 20x1.0	30	0,20			120.052	129.656	200
74	DVV 20x1.5	30	0,24			168.142	181.593	200
75	DVV 20x2.5	50	0,24			273.861	295.770	200
76	DVV 22x0.5	20	0,18			74.206	80.142	200
77	DVV 22x0.75	30	0,18			105.843	114.310	200
78	DVV 22x1.0	30	0,20			131.604	142.132	200
79	DVV 22x1.5	30	0,24			185.027	199.829	200
80	DVV 22x2.5	50	0,24			302.161	326.334	200
81	DVV 24x0.5	20	0,18			80.879	87.349	200
82	DVV 24x0.75	30	0,18			115.492	124.731	200



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỀU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
83	DVV 24x1.0	30	0,20			143.678	155.172	200
84	DVV 24x1.5	30	0,24			201.777	217.919	200
85	DVV 24x2.5	50	0,24			328.578	354.864	200
86	DVV 26x0.5	20	0,18			86.652	93.584	200
87	DVV 26x0.75	30	0,18			124.053	133.977	200
88	DVV 26x1.0	30	0,20			154.850	167.238	200
89	DVV 26x1.5	30	0,24			217.537	234.940	200
90	DVV 26x2.5	50	0,24			354.100	382.428	200
91	DVV 28x0.5	20	0,18			93.101	100.549	200
92	DVV 28x0.75	30	0,18			133.451	144.127	200
93	DVV 28x1.0	30	0,20			166.689	180.024	200
94	DVV 28x1.5	30	0,24			234.412	253.165	200
95	DVV 28x2.5	50	0,24			382.268	412.849	200
96	DVV 30x0.5	20	0,18			99.165	107.098	200
97	DVV 30x0.75	30	0,18			142.335	153.722	200
98	DVV 30x1.0	30	0,20			178.006	192.246	200
99	DVV 30x1.5	30	0,24			250.200	270.216	200
100	DVV 30x2.5	50	0,24			408.282	440.945	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỆU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC/SB/PVC

Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	DVV/SB 2x0.5	20	0,18			16.973	18.331	500
2	DVV/SB 2x0.75	30	0,18			20.359	21.988	500
3	DVV/SB 2x1.0	30	0,20			23.324	25.190	500
4	DVV/SB 2x1.5	30	0,24			29.250	31.590	500
5	DVV/SB 2x2.5	50	0,24			40.342	43.569	500
6	DVV/SB 3x0.5	20	0,18			20.284	21.907	500
7	DVV/SB 3x0.75	30	0,18			25.023	27.025	500
8	DVV/SB 3x1.0	30	0,20			29.463	31.820	500
9	DVV/SB 3x1.5	30	0,24			37.412	40.405	500
10	DVV/SB 3x2.5	50	0,24			53.677	57.971	500
11	DVV/SB 4x0.5	20	0,18			23.982	25.901	500
12	DVV/SB 4x0.75	30	0,18			30.730	33.188	500
13	DVV/SB 4x1.0	30	0,20			34.871	37.661	500
14	DVV/SB 4x1.5	30	0,24			45.364	48.993	500
15	DVV/SB 4x2.5	50	0,24			68.142	73.593	500
16	DVV/SB 5x0.5	20	0,18			28.248	30.508	500
17	DVV/SB 5x0.75	30	0,18			35.023	37.825	500
18	DVV/SB 5x1.0	30	0,20			42.071	45.437	500
19	DVV/SB 5x1.5	30	0,24			55.677	60.131	500
20	DVV/SB 5x2.5	50	0,24			82.524	89.126	500
21	DVV/SB 6x0.5	20	0,18			31.355	33.863	500
22	DVV/SB 6x0.75	30	0,18			40.769	44.031	500
23	DVV/SB 6x1.0	30	0,20			48.287	52.150	500
24	DVV/SB 6x1.5	30	0,24			64.494	69.654	500
25	DVV/SB 6x2.5	50	0,24			96.997	104.757	500
26	DVV/SB 7x0.5	20	0,18			35.232	38.051	500
27	DVV/SB 7x0.75	30	0,18			46.733	50.472	500
28	DVV/SB 7x1.0	30	0,20			55.153	59.565	500
29	DVV/SB 7x1.5	30	0,24			72.929	78.763	500
30	DVV/SB 7x2.5	50	0,24			111.597	120.525	300
31	DVV/SB 8x0.5	20	0,18			40.515	43.756	500
32	DVV/SB 8x0.75	30	0,18			52.579	56.785	500
33	DVV/SB 8x1.0	30	0,20			61.337	66.244	500
34	DVV/SB 8x1.5	30	0,24			81.910	88.463	500
35	DVV/SB 8x2.5	50	0,24			125.131	135.141	300
36	DVV/SB 9x0.5	20	0,18			44.475	48.033	500
37	DVV/SB 9x0.75	30	0,18			57.786	62.409	500
38	DVV/SB 9x1.0	30	0,20			69.201	74.737	500
39	DVV/SB 9x1.5	30	0,24			91.344	98.652	500
40	DVV/SB 9x2.5	50	0,24			139.896	151.088	300
41	DVV/SB 10x0.5	20	0,18			47.881	51.711	200



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỀU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC/SB/PVC
 Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
42	DVV/SB 10x0.75	30	0,18			63.450	68.526	200
43	DVV/SB 10x1.0	30	0,20			75.500	81.540	200
44	DVV/SB 10x1.5	30	0,24			100.808	108.873	200
45	DVV/SB 10x2.5	50	0,24			154.779	167.161	200
46	DVV/SB 12x0.5	20	0,18			54.554	58.918	200
47	DVV/SB 12x0.75	30	0,18			72.615	78.424	200
48	DVV/SB 12x1.0	30	0,20			86.488	93.407	200
49	DVV/SB 12x1.5	30	0,24			116.622	125.952	200
50	DVV/SB 12x2.5	50	0,24			180.895	195.367	200
51	DVV/SB 14x0.5	20	0,18			61.141	66.032	200
52	DVV/SB 14x0.75	30	0,18			81.616	88.145	200
53	DVV/SB 14x1.0	30	0,20			98.998	106.918	200
54	DVV/SB 14x1.5	30	0,24			133.725	144.423	200
55	DVV/SB 14x2.5	50	0,24			207.292	223.875	200
56	DVV/SB 16x0.5	20	0,18			67.543	72.946	200
57	DVV/SB 16x0.75	30	0,18			91.036	98.319	200
58	DVV/SB 16x1.0	30	0,20			109.539	118.302	200
59	DVV/SB 16x1.5	30	0,24			148.943	160.858	200
60	DVV/SB 16x2.5	50	0,24			233.640	252.331	200
61	DVV/SB 18x0.5	20	0,18			73.379	79.249	200
62	DVV/SB 18x0.75	30	0,18			100.105	108.113	200
63	DVV/SB 18x1.0	30	0,20			120.841	130.508	200
64	DVV/SB 18x1.5	30	0,24			165.294	178.518	200
65	DVV/SB 18x2.5	50	0,24			260.188	281.003	200
66	DVV/SB 19x0.5	20	0,18			76.761	82.902	200
67	DVV/SB 19x0.75	30	0,18			104.669	113.043	200
68	DVV/SB 19x1.0	30	0,20			126.544	136.668	200
69	DVV/SB 19x1.5	30	0,24			172.923	186.757	200
70	DVV/SB 19x2.5	50	0,24			273.387	295.258	200
71	DVV/SB 20x0.5	20	0,18			81.278	87.780	200
72	DVV/SB 20x0.75	30	0,18			109.917	118.710	200
73	DVV/SB 20x1.0	30	0,20			133.936	144.651	200
74	DVV/SB 20x1.5	30	0,24			183.034	197.677	200
75	DVV/SB 20x2.5	50	0,24			287.800	310.824	200
76	DVV/SB 22x0.5	20	0,18			88.087	95.134	200
77	DVV/SB 22x0.75	30	0,18			120.208	129.825	200
78	DVV/SB 22x1.0	30	0,20			146.159	157.852	200
79	DVV/SB 22x1.5	30	0,24			200.817	216.882	200
80	DVV/SB 22x2.5	50	0,24			317.445	342.841	200
81	DVV/SB 24x0.5	20	0,18			94.810	102.395	200
82	DVV/SB 24x0.75	30	0,18			130.238	140.657	200



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7/ IEC 60227-7

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC/SB/PVC

Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
83	DVV/SB 24x1.0	30	0,20			158.432	171.107	200
84	DVV/SB 24x1.5	30	0,24			217.263	234.644	200
85	DVV/SB 24x2.5	50	0,24			344.815	372.400	200
86	DVV/SB 26x0.5	20	0,18			100.336	108.363	200
87	DVV/SB 26x0.75	30	0,18			138.433	149.508	200
88	DVV/SB 26x1.0	30	0,20			168.818	182.323	200
89	DVV/SB 26x1.5	30	0,24			231.981	250.539	200
90	DVV/SB 26x2.5	50	0,24			369.237	398.776	200
91	DVV/SB 28x0.5	20	0,18			108.475	117.153	200
92	DVV/SB 28x0.75	30	0,18			148.515	160.396	200
93	DVV/SB 28x1.0	30	0,20			182.697	197.313	200
94	DVV/SB 28x1.5	30	0,24			249.969	269.967	200
95	DVV/SB 28x2.5	50	0,24			397.606	429.414	200
96	DVV/SB 30x0.5	20	0,18			114.326	123.472	200
97	DVV/SB 30x0.75	30	0,18			157.064	169.629	200
98	DVV/SB 30x1.0	30	0,20			192.227	207.605	200
99	DVV/SB 30x1.5	30	0,24			265.125	286.335	200
100	DVV/SB 30x2.5	50	0,24			422.548	456.352	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN

**CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỀU,
CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

Quy cách sản phẩm:

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Cáp điện áp:

Cu/FR-PVC/FR-PVC

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-DVV 2x0.5	20	0,18			9.318	10.063	500
2	FSN-DVV 2x0.75	30	0,18			12.759	13.780	500
3	FSN-DVV 2x1.0	30	0,20			15.521	16.763	500
4	FSN-DVV 2x1.5	30	0,24			21.013	22.694	500
5	FSN-DVV 2x2.5	50	0,24			32.858	35.487	500
6	FSN-DVV 3x0.5	20	0,18			12.319	13.305	500
7	FSN-DVV 3x0.75	30	0,18			17.342	18.729	500
8	FSN-DVV 3x1.0	30	0,20			21.221	22.919	500
9	FSN-DVV 3x1.5	30	0,24			29.218	31.555	500
10	FSN-DVV 3x2.5	50	0,24			46.133	49.824	500
11	FSN-DVV 4x0.5	20	0,18			15.968	17.245	500
12	FSN-DVV 4x0.75	30	0,18			22.056	23.820	500
13	FSN-DVV 4x1.0	30	0,20			26.996	29.156	500
14	FSN-DVV 4x1.5	30	0,24			37.479	40.477	500
15	FSN-DVV 4x2.5	50	0,24			59.293	64.036	500
16	FSN-DVV 5x0.5	20	0,18			19.719	21.297	500
17	FSN-DVV 5x0.75	30	0,18			27.636	29.847	500
18	FSN-DVV 5x1.0	30	0,20			33.738	36.437	500
19	FSN-DVV 5x1.5	30	0,24			46.840	50.587	500
20	FSN-DVV 5x2.5	50	0,24			73.859	79.768	500
21	FSN-DVV 6x0.5	20	0,18			23.593	25.480	500
22	FSN-DVV 6x0.75	30	0,18			32.534	35.137	500
23	FSN-DVV 6x1.0	30	0,20			40.361	43.590	500
24	FSN-DVV 6x1.5	30	0,24			56.409	60.922	500
25	FSN-DVV 6x2.5	50	0,24			88.855	95.963	500
26	FSN-DVV 7x0.5	20	0,18			26.073	28.159	500
27	FSN-DVV 7x0.75	30	0,18			36.899	39.851	500
28	FSN-DVV 7x1.0	30	0,20			45.319	48.945	500
29	FSN-DVV 7x1.5	30	0,24			62.979	68.017	500
30	FSN-DVV 7x2.5	50	0,24			100.227	108.245	500
31	FSN-DVV 8x0.5	20	0,18			29.568	31.933	500
32	FSN-DVV 8x0.75	30	0,18			41.464	44.781	500
33	FSN-DVV 8x1.0	30	0,20			50.858	54.927	500
34	FSN-DVV 8x1.5	30	0,24			70.907	76.580	500
35	FSN-DVV 8x2.5	50	0,24			113.267	122.328	500
36	FSN-DVV 9x0.5	20	0,18			35.837	38.704	500
37	FSN-DVV 9x0.75	30	0,18			48.271	52.133	500
38	FSN-DVV 9x1.0	30	0,20			58.656	63.348	500
39	FSN-DVV 9x1.5	30	0,24			81.165	87.658	500



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỀU,
CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

Quy cách sản phẩm:

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Cáp điện áp:

Cu/FR-PVC/FR-PVC

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
40	FSN-DVV 9x2.5	50	0,24			128.670	138.964	500
41	FSN-DVV 10x0.5	20	0,18			39.280	42.422	200
42	FSN-DVV 10x0.75	30	0,18			53.200	57.456	200
43	FSN-DVV 10x1.0	30	0,20			64.714	69.891	200
44	FSN-DVV 10x1.5	30	0,24			89.826	97.012	200
45	FSN-DVV 10x2.5	50	0,24			143.041	154.484	200
46	FSN-DVV 12x0.5	20	0,18			45.713	49.370	200
47	FSN-DVV 12x0.75	30	0,18			62.093	67.060	200
48	FSN-DVV 12x1.0	30	0,20			76.570	82.696	200
49	FSN-DVV 12x1.5	30	0,24			105.652	114.104	200
50	FSN-DVV 12x2.5	50	0,24			169.033	182.556	200
51	FSN-DVV 14x0.5	20	0,18			51.594	55.722	200
52	FSN-DVV 14x0.75	30	0,18			72.102	77.870	200
53	FSN-DVV 14x1.0	30	0,20			87.928	94.962	200
54	FSN-DVV 14x1.5	30	0,24			122.633	132.444	200
55	FSN-DVV 14x2.5	50	0,24			196.499	212.219	200
56	FSN-DVV 16x0.5	20	0,18			57.835	62.462	200
57	FSN-DVV 16x0.75	30	0,18			80.588	87.035	200
58	FSN-DVV 16x1.0	30	0,20			99.104	107.032	200
59	FSN-DVV 16x1.5	30	0,24			138.205	149.261	200
60	FSN-DVV 16x2.5	50	0,24			222.036	239.799	200
61	FSN-DVV 18x0.5	20	0,18			64.403	69.555	200
62	FSN-DVV 18x0.75	30	0,18			90.225	97.443	200
63	FSN-DVV 18x1.0	30	0,20			110.499	119.339	200
64	FSN-DVV 18x1.5	30	0,24			154.648	167.020	200
65	FSN-DVV 18x2.5	50	0,24			249.618	269.587	200
66	FSN-DVV 19x0.5	20	0,18			67.325	72.711	200
67	FSN-DVV 19x0.75	30	0,18			94.442	101.997	200
68	FSN-DVV 19x1.0	30	0,20			116.204	125.500	200
69	FSN-DVV 19x1.5	30	0,24			162.810	175.835	200
70	FSN-DVV 19x2.5	50	0,24			262.588	283.595	200
71	FSN-DVV 20x0.5	20	0,18			71.332	77.039	200
72	FSN-DVV 20x0.75	30	0,18			99.480	107.438	200
73	FSN-DVV 20x1.0	30	0,20			123.053	132.897	200
74	FSN-DVV 20x1.5	30	0,24			172.283	186.066	200
75	FSN-DVV 20x2.5	50	0,24			277.915	300.148	200
76	FSN-DVV 22x0.5	20	0,18			77.863	84.092	200
77	FSN-DVV 22x0.75	30	0,18			109.447	118.203	200
78	FSN-DVV 22x1.0	30	0,20			134.740	145.519	200



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỀU,
CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

Quy cách sản phẩm:

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Cáp điện áp:

Cu/FR-PVC/FR-PVC

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
79	FSN-DVV 22x1.5	30	0,24			189.708	204.885	200
80	FSN-DVV 22x2.5	50	0,24			306.423	330.937	200
81	FSN-DVV 24x0.5	20	0,18			85.046	91.850	200
82	FSN-DVV 24x0.75	30	0,18			119.582	129.149	200
83	FSN-DVV 24x1.0	30	0,20			147.277	159.059	200
84	FSN-DVV 24x1.5	30	0,24			206.655	223.187	200
85	FSN-DVV 24x2.5	50	0,24			333.421	360.095	200
86	FSN-DVV 26x0.5	20	0,18			90.895	98.167	200
87	FSN-DVV 26x0.75	30	0,18			128.159	138.412	200
88	FSN-DVV 26x1.0	30	0,20			158.719	171.417	200
89	FSN-DVV 26x1.5	30	0,24			222.732	240.551	200
90	FSN-DVV 26x2.5	50	0,24			358.683	387.378	200
91	FSN-DVV 28x0.5	20	0,18			97.600	105.408	200
92	FSN-DVV 28x0.75	30	0,18			137.787	148.810	200
93	FSN-DVV 28x1.0	30	0,20			170.769	184.431	200
94	FSN-DVV 28x1.5	30	0,24			239.915	259.108	200
95	FSN-DVV 28x2.5	50	0,24			387.516	418.517	200
96	FSN-DVV 30x0.5	20	0,18			104.025	112.347	200
97	FSN-DVV 30x0.75	30	0,18			147.001	158.761	200
98	FSN-DVV 30x1.0	30	0,20			182.371	196.961	200
99	FSN-DVV 30x1.5	30	0,24			256.044	276.528	200
100	FSN-DVV 30x2.5	50	0,24			413.748	446.848	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

**CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỀU,
CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Quy cách sản phẩm:

Cu/FR-PVC/PVC/SB/FR-PVC

Cấp điện áp:

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	FSN-DVV/SB 2x0.5	20	0,18			18.543	20.026	500
2	FSN-DVV/SB 2x0.75	30	0,18			22.075	23.841	500
3	FSN-DVV/SB 2x1.0	30	0,20			25.131	27.141	500
4	FSN-DVV/SB 2x1.5	30	0,24			31.614	34.143	500
5	FSN-DVV/SB 2x2.5	50	0,24			43.374	46.844	500
6	FSN-DVV/SB 3x0.5	20	0,18			22.070	23.836	500
7	FSN-DVV/SB 3x0.75	30	0,18			26.986	29.145	500
8	FSN-DVV/SB 3x1.0	30	0,20			31.725	34.263	500
9	FSN-DVV/SB 3x1.5	30	0,24			40.181	43.395	500
10	FSN-DVV/SB 3x2.5	50	0,24			57.262	61.843	500
11	FSN-DVV/SB 4x0.5	20	0,18			26.003	28.083	500
12	FSN-DVV/SB 4x0.75	30	0,18			33.145	35.797	500
13	FSN-DVV/SB 4x1.0	30	0,20			37.485	40.484	500
14	FSN-DVV/SB 4x1.5	30	0,24			48.772	52.674	500
15	FSN-DVV/SB 4x2.5	50	0,24			72.583	78.390	500
16	FSN-DVV/SB 5x0.5	20	0,18			30.708	33.165	500
17	FSN-DVV/SB 5x0.75	30	0,18			37.812	40.837	500
18	FSN-DVV/SB 5x1.0	30	0,20			45.232	48.851	500
19	FSN-DVV/SB 5x1.5	30	0,24			59.824	64.610	500
20	FSN-DVV/SB 5x2.5	50	0,24			87.894	94.926	500
21	FSN-DVV/SB 6x0.5	20	0,18			34.134	36.865	500
22	FSN-DVV/SB 6x0.75	30	0,18			44.060	47.585	500
23	FSN-DVV/SB 6x1.0	30	0,20			51.799	55.943	500
24	FSN-DVV/SB 6x1.5	30	0,24			69.174	74.708	500
25	FSN-DVV/SB 6x2.5	50	0,24			103.340	111.607	500
26	FSN-DVV/SB 7x0.5	20	0,18			38.529	41.611	500
27	FSN-DVV/SB 7x0.75	30	0,18			50.649	54.701	500
28	FSN-DVV/SB 7x1.0	30	0,20			59.373	64.123	500
29	FSN-DVV/SB 7x1.5	30	0,24			78.439	84.714	500
30	FSN-DVV/SB 7x2.5	50	0,24			119.022	128.544	500
31	FSN-DVV/SB 8x0.5	20	0,18			44.038	47.561	500
32	FSN-DVV/SB 8x0.75	30	0,18			56.772	61.314	500
33	FSN-DVV/SB 8x1.0	30	0,20			65.798	71.062	500
34	FSN-DVV/SB 8x1.5	30	0,24			87.801	94.825	500
35	FSN-DVV/SB 8x2.5	50	0,24			133.111	143.760	500
36	FSN-DVV/SB 9x0.5	20	0,18			48.571	52.457	500
37	FSN-DVV/SB 9x0.75	30	0,18			62.365	67.354	500
38	FSN-DVV/SB 9x1.0	30	0,20			74.350	80.298	500
39	FSN-DVV/SB 9x1.5	30	0,24			98.121	105.971	500



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

**CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỀU,
CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Quy cách sản phẩm:

Cu/FR-PVC/PVC/SB/FR-PVC

Cấp điện áp:

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
40	FSN-DVV/SB 9x2.5	50	0,24			148.683	160.578	500
41	FSN-DVV/SB 10x0.5	20	0,18			51.999	56.159	200
42	FSN-DVV/SB 10x0.75	30	0,18			68.357	73.826	200
43	FSN-DVV/SB 10x1.0	30	0,20			80.521	86.963	200
44	FSN-DVV/SB 10x1.5	30	0,24			107.807	116.432	200
45	FSN-DVV/SB 10x2.5	50	0,24			164.376	177.526	200
46	FSN-DVV/SB 12x0.5	20	0,18			59.558	64.323	200
47	FSN-DVV/SB 12x0.75	30	0,18			77.975	84.213	200
48	FSN-DVV/SB 12x1.0	30	0,20			92.774	100.196	200
49	FSN-DVV/SB 12x1.5	30	0,24			124.907	134.900	200
50	FSN-DVV/SB 12x2.5	50	0,24			192.070	207.436	200
51	FSN-DVV/SB 14x0.5	20	0,18			66.618	71.947	200
52	FSN-DVV/SB 14x0.75	30	0,18			87.776	94.798	200
53	FSN-DVV/SB 14x1.0	30	0,20			105.865	114.334	200
54	FSN-DVV/SB 14x1.5	30	0,24			143.182	154.637	200
55	FSN-DVV/SB 14x2.5	50	0,24			219.988	237.587	200
56	FSN-DVV/SB 16x0.5	20	0,18			73.439	79.314	200
57	FSN-DVV/SB 16x0.75	30	0,18			97.981	105.819	200
58	FSN-DVV/SB 16x1.0	30	0,20			116.975	126.333	200
59	FSN-DVV/SB 16x1.5	30	0,24			159.218	171.955	200
60	FSN-DVV/SB 16x2.5	50	0,24			247.837	267.664	200
61	FSN-DVV/SB 18x0.5	20	0,18			79.744	86.124	200
62	FSN-DVV/SB 18x0.75	30	0,18			107.917	116.550	200
63	FSN-DVV/SB 18x1.0	30	0,20			129.195	139.531	200
64	FSN-DVV/SB 18x1.5	30	0,24			176.842	190.989	200
65	FSN-DVV/SB 18x2.5	50	0,24			276.038	298.121	200
66	FSN-DVV/SB 19x0.5	20	0,18			83.565	90.250	200
67	FSN-DVV/SB 19x0.75	30	0,18			112.672	121.686	200
68	FSN-DVV/SB 19x1.0	30	0,20			135.108	145.917	200
69	FSN-DVV/SB 19x1.5	30	0,24			184.776	199.558	200
70	FSN-DVV/SB 19x2.5	50	0,24			290.095	313.303	200
71	FSN-DVV/SB 20x0.5	20	0,18			88.426	95.500	200
72	FSN-DVV/SB 20x0.75	30	0,18			118.334	127.801	200
73	FSN-DVV/SB 20x1.0	30	0,20			143.296	154.760	200
74	FSN-DVV/SB 20x1.5	30	0,24			195.894	211.566	200
75	FSN-DVV/SB 20x2.5	50	0,24			305.461	329.898	200
76	FSN-DVV/SB 22x0.5	20	0,18			96.047	103.731	200
77	FSN-DVV/SB 22x0.75	30	0,18			129.564	139.929	200
78	FSN-DVV/SB 22x1.0	30	0,20			156.235	168.734	200



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

**CÁP ĐIỀU KHIỂN CHẠM CHÁY CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỆU,
 CÁCH ĐIỆN FR-PVC, VỎ NGOÀI FR-PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-7/ IEC 60227-7;

TCVN 6613-1-2/ IEC 60332-1-2; TCVN 6613-3-24/ IEC 60332-3-4

Quy cách sản phẩm:

Cu/FR-PVC/PVC/SB/FR-PVC

Cấp điện áp:

300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
79	FSN-DVV/SB 22x1.5	30	0,24			215.027	232.229	200
80	FSN-DVV/SB 22x2.5	50	0,24			336.593	363.520	200
81	FSN-DVV/SB 24x0.5	20	0,18			103.315	111.580	200
82	FSN-DVV/SB 24x0.75	30	0,18			140.272	151.494	200
83	FSN-DVV/SB 24x1.0	30	0,20			169.568	183.133	200
84	FSN-DVV/SB 24x1.5	30	0,24			232.428	251.022	200
85	FSN-DVV/SB 24x2.5	50	0,24			365.777	395.039	200
86	FSN-DVV/SB 26x0.5	20	0,18			109.164	117.897	200
87	FSN-DVV/SB 26x0.75	30	0,18			148.848	160.756	200
88	FSN-DVV/SB 26x1.0	30	0,20			180.374	194.804	200
89	FSN-DVV/SB 26x1.5	30	0,24			247.755	267.575	200
90	FSN-DVV/SB 26x2.5	50	0,24			391.040	422.323	200
91	FSN-DVV/SB 28x0.5	20	0,18			118.245	127.705	200
92	FSN-DVV/SB 28x0.75	30	0,18			159.951	172.747	200
93	FSN-DVV/SB 28x1.0	30	0,20			195.381	211.011	200
94	FSN-DVV/SB 28x1.5	30	0,24			267.331	288.717	200
95	FSN-DVV/SB 28x2.5	50	0,24			421.393	455.104	200
96	FSN-DVV/SB 30x0.5	20	0,18			124.764	134.745	200
97	FSN-DVV/SB 30x0.75	30	0,18			169.259	182.800	200
98	FSN-DVV/SB 30x1.0	30	0,20			205.728	222.186	200
99	FSN-DVV/SB 30x1.5	30	0,24			283.560	306.245	200
100	FSN-DVV/SB 30x2.5	50	0,24			447.724	483.542	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải

CẤP NHÔM HẠ THỂ



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/ SD1:1995
 Quy cách sản phẩm: AI (bên tròn cấp 2)

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	A 16	7	1,70			159.074	174.981	12.000
2	A 25	7	2,13			155.413	170.954	8.000
3	A 35	7	2,51			151.252	166.377	6.000
4	A 50	7	3,00			149.819	164.801	6.000
5	A 70	7	3,55			149.109	164.020	8.000
6	A 95	7	4,10			148.671	163.538	6.000
7	A 120	19	2,80			149.264	164.190	6.000
8	A 150	19	3,15			149.095	164.005	4.000
9	A 185	37	2,51			149.596	164.556	3.000
10	A 240	37	2,87			148.686	163.555	2.000
11	A 300	37	3,15			148.800	163.680	2.000
12	A 400	37	3,66			148.762	163.638	1.000

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR (AC/ As KHÔNG MỖ)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/ SD1:1995

Quy cách sản phẩm: Fe/Al

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Phần thép		Phần nhôm		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	ACSR 10/1.8	1	1,50	6	1,50	124.626	137.089	14.000
2	ACSR 16/2.7	1	1,85	6	1,85	121.092	133.201	9.400
3	ACSR 25/4.2	1	2,30	6	2,30	118.790	130.669	6.100
4	ACSR 35/6.2	1	2,80	6	2,80	114.238	125.662	4.100
5	ACSR 50/8.0	1	3,20	6	3,20	113.580	124.938	3.100
6	ACSR 70/11	1	3,80	6	3,80	113.207	124.528	2.200
7	ACSR 70/72	19	2,20	18	2,20	73.631	80.994	2.400
8	ACSR 95/16	1	4,50	6	4,50	113.109	124.420	1.600
9	ACSR 95/141	37	2,20	24	2,20	69.966	76.963	1.100
10	ACSR 120/19	7	1,85	26	2,40	116.893	128.582	3.000
11	ACSR 120/27	7	2,20	30	2,20	107.344	118.078	3.500
12	ACSR 150/19	7	1,85	24	2,80	121.692	133.861	3.000
13	ACSR 150/24	7	2,10	26	2,70	115.668	127.235	2.800
14	ACSR 150/34	7	2,50	30	2,50	106.329	116.962	2.700
15	ACSR 185/24	7	2,10	24	3,15	120.106	132.117	2.800
16	ACSR 185/29	7	2,30	26	2,98	115.990	127.589	2.300
17	ACSR 185/43	7	2,80	30	2,80	108.009	118.810	2.100
18	ACSR 185/128	37	2,10	54	2,10	80.386	88.425	1.000
19	ACSR 240/32	7	2,40	24	3,60	119.814	131.795	1.800
20	ACSR 240/39	7	2,65	26	3,40	114.110	125.521	1.500
21	ACSR 240/56	7	3,20	30	3,20	107.465	118.212	1.600
22	ACSR 300/39	7	2,65	24	4,00	119.143	131.057	1.700
23	ACSR 300/48	7	2,95	26	3,80	119.421	131.363	1.700
24	ACSR 300/66	19	2,10	30	3,50	108.030	118.833	1.200
25	ACSR 300/67	7	3,50	30	3,50	106.937	117.631	1.200
26	ACSR 300/204	37	2,65	54	2,65	79.003	86.903	1.100
27	ACSR 330/30	7	2,30	48	2,98	130.786	143.865	1.600
28	ACSR 330/43	7	2,80	54	2,80	122.746	135.021	1.100
29	ACSR 400/18	7	1,85	42	3,40	138.376	152.214	1.800
30	ACSR 400/51	7	3,05	54	3,05	120.328	132.361	1.600
31	ACSR 400/64	7	3,40	26	4,37	115.903	127.493	1.500
32	ACSR 400/93	19	2,50	30	4,15	108.176	118.994	1.600

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR (AC/ AsKP CÓ MỖ)
(TH1: CHỈ BÔI MỖ LỖI THÉP)

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 5064:1994/ SD1:1995

Quy cách sản phẩm:

Fe/Al

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Phần thép		Phần nhôm		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	ACSR 10/1.8 - TH1	1	1,50	6	1,50	125.650	138.215	14.000
2	ACSR 16/2.7 - TH1	1	1,85	6	1,85	121.762	133.938	9.400
3	ACSR 25/4.2 - TH1	1	2,30	6	2,30	119.234	131.157	6.100
4	ACSR 35/6.2 - TH1	1	2,80	6	2,80	114.549	126.004	4.100
5	ACSR 50/8.0 - TH1	1	3,20	6	3,20	113.820	125.202	3.100
6	ACSR 70/11 - TH1	1	3,80	6	3,80	113.478	124.826	2.200
7	ACSR 70/72 - TH1	19	2,20	18	2,20	75.515	83.067	2.400
8	ACSR 95/16 - TH1	1	4,50	6	4,50	113.301	124.631	1.600
9	ACSR 95/141 - TH1	37	2,20	24	2,20	72.566	79.823	1.100
10	ACSR 120/19 - TH1	7	1,85	26	2,40	117.390	129.129	3.000
11	ACSR 120/27 - TH1	7	2,20	30	2,20	110.289	121.318	3.500
12	ACSR 150/19 - TH1	7	1,85	24	2,80	121.956	134.152	3.000
13	ACSR 150/24 - TH1	7	2,10	26	2,70	116.318	127.950	2.800
14	ACSR 150/34 - TH1	7	2,50	30	2,50	108.796	119.676	2.700
15	ACSR 185/24 - TH1	7	2,10	24	3,15	120.662	132.728	2.800
16	ACSR 185/29 - TH1	7	2,30	26	2,98	116.120	127.732	2.300
17	ACSR 185/43 - TH1	7	2,80	30	2,80	108.385	119.224	2.100
18	ACSR 185/128 - TH1	37	2,10	54	2,10	81.649	89.814	1.000
19	ACSR 240/32 - TH1	7	2,40	24	3,60	119.875	131.863	1.800
20	ACSR 240/39 - TH1	7	2,65	26	3,40	114.404	125.844	1.500
21	ACSR 240/56 - TH1	7	3,20	30	3,20	107.763	118.539	1.600
22	ACSR 300/39 - TH1	7	2,65	24	4,00	119.151	131.066	1.700
23	ACSR 300/48 - TH1	7	2,95	26	3,80	120.120	132.132	1.700
24	ACSR 300/66 - TH1	19	2,10	30	3,50	108.382	119.220	1.200
25	ACSR 300/67 - TH1	7	3,50	30	3,50	106.984	117.682	1.200
26	ACSR 300/204 - TH1	37	2,65	54	2,65	80.270	88.297	1.100
27	ACSR 330/30 - TH1	7	2,30	48	2,98	131.038	144.142	1.600
28	ACSR 330/43 - TH1	7	2,80	54	2,80	122.983	135.281	1.100
29	ACSR 400/18 - TH1	7	1,85	42	3,40	138.337	152.171	1.800
30	ACSR 400/51 - TH1	7	3,05	54	3,05	120.749	132.824	1.600
31	ACSR 400/64 - TH1	7	3,40	26	4,37	116.010	127.611	1.500
32	ACSR 400/93 - TH1	19	2,50	30	4,15	110.710	121.781	1.600

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR (AC/ AsKP CÓ MỖ)
(TH2: BÔI MỖ TOÀN BỘ, TRỪ LỚP NGOÀI CÙNG)

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 5064:1994/ SD1:1995

Quy cách sản phẩm:

Fe/Al

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Phần thép		Phần nhôm		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	ACSR 10/1.8 - TH2	1	1,50	6	1,50	125.794	138.373	14.000
2	ACSR 16/2.7 - TH2	1	1,85	6	1,85	121.910	134.101	9.400
3	ACSR 25/4.2 - TH2	1	2,30	6	2,30	119.387	131.326	6.100
4	ACSR 35/6.2 - TH2	1	2,80	6	2,80	114.701	126.171	4.100
5	ACSR 50/8.0 - TH2	1	3,20	6	3,20	113.975	125.373	3.100
6	ACSR 70/11 - TH2	1	3,80	6	3,80	113.636	125.000	2.200
7	ACSR 70/72 - TH2	19	2,20	18	2,20	75.134	82.647	2.400
8	ACSR 95/16 - TH2	1	4,50	6	4,50	113.458	124.804	1.600
9	ACSR 95/141 - TH2	37	2,20	24	2,20	71.888	79.077	1.100
10	ACSR 120/19 - TH2	7	1,85	26	2,40	117.841	129.625	3.000
11	ACSR 120/27 - TH2	7	2,20	30	2,20	110.553	121.608	3.500
12	ACSR 150/19 - TH2	7	1,85	24	2,80	122.056	134.262	3.000
13	ACSR 150/24 - TH2	7	2,10	26	2,70	116.495	128.145	2.800
14	ACSR 150/34 - TH2	7	2,50	30	2,50	109.068	119.975	2.700
15	ACSR 185/24 - TH2	7	2,10	24	3,15	120.610	132.671	2.800
16	ACSR 185/29 - TH2	7	2,30	26	2,98	116.292	127.921	2.300
17	ACSR 185/43 - TH2	7	2,80	30	2,80	108.661	119.527	2.100
18	ACSR 185/128 - TH2	37	2,10	54	2,10	81.850	90.035	1.000
19	ACSR 240/32 - TH2	7	2,40	24	3,60	119.979	131.977	1.800
20	ACSR 240/39 - TH2	7	2,65	26	3,40	114.866	126.353	1.500
21	ACSR 240/56 - TH2	7	3,20	30	3,20	108.039	118.843	1.600
22	ACSR 300/39 - TH2	7	2,65	24	4,00	119.103	131.013	1.700
23	ACSR 300/48 - TH2	7	2,95	26	3,80	120.150	132.165	1.700
24	ACSR 300/66 - TH2	19	2,10	30	3,50	108.889	119.778	1.200
25	ACSR 300/67 - TH2	7	3,50	30	3,50	107.506	118.257	1.200
26	ACSR 300/204 - TH2	37	2,65	54	2,65	80.284	88.312	1.100
27	ACSR 330/30 - TH2	7	2,30	48	2,98	130.748	143.823	1.600
28	ACSR 330/43 - TH2	7	2,80	54	2,80	123.361	135.697	1.100
29	ACSR 400/18 - TH2	7	1,85	42	3,40	138.085	151.894	1.800
30	ACSR 400/51 - TH2	7	3,05	54	3,05	120.944	133.038	1.600
31	ACSR 400/64 - TH2	7	3,40	26	4,37	116.039	127.643	1.500
32	ACSR 400/93 - TH2	19	2,50	30	4,15	111.049	122.154	1.600

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR (AC/ AsKP CÓ MỖ)
(TH3: BÔI MỖ TOÀN BỘ, KỂ CẢ LỚP NGOÀI CÙNG)

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 5064:1994/ SD1:1995

Quy cách sản phẩm:

Fe/Al

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Phần thép		Phần nhôm		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	ACSR 10/1.8 - TH3	1	1,50	6	1,50	125.881	138.469	14.000
2	ACSR 16/2.7 - TH3	1	1,85	6	1,85	122.000	134.200	9.400
3	ACSR 25/4.2 - TH3	1	2,30	6	2,30	119.469	131.416	6.100
4	ACSR 35/6.2 - TH3	1	2,80	6	2,80	114.781	126.259	4.100
5	ACSR 50/8.0 - TH3	1	3,20	6	3,20	114.054	125.459	3.100
6	ACSR 70/11 - TH3	1	3,80	6	3,80	113.715	125.087	2.200
7	ACSR 70/72 - TH3	19	2,20	18	2,20	76.890	84.579	2.400
8	ACSR 95/16 - TH3	1	4,50	6	4,50	113.541	124.895	1.600
9	ACSR 95/141 - TH3	37	2,20	24	2,20	78.652	86.517	1.100
10	ACSR 120/19 - TH3	7	1,85	26	2,40	117.541	129.295	3.000
11	ACSR 120/27 - TH3	7	2,20	30	2,20	111.030	122.133	3.500
12	ACSR 150/19 - TH3	7	1,85	24	2,80	121.713	133.884	3.000
13	ACSR 150/24 - TH3	7	2,10	26	2,70	116.486	128.135	2.800
14	ACSR 150/34 - TH3	7	2,50	30	2,50	109.585	120.544	2.700
15	ACSR 185/24 - TH3	7	2,10	24	3,15	120.451	132.496	2.800
16	ACSR 185/29 - TH3	7	2,30	26	2,98	116.261	127.887	2.300
17	ACSR 185/43 - TH3	7	2,80	30	2,80	109.173	120.090	2.100
18	ACSR 185/128 - TH3	37	2,10	54	2,10	83.137	91.451	1.000
19	ACSR 240/32 - TH3	7	2,40	24	3,60	119.656	131.622	1.800
20	ACSR 240/39 - TH3	7	2,65	26	3,40	114.638	126.102	1.500
21	ACSR 240/56 - TH3	7	3,20	30	3,20	108.550	119.405	1.600
22	ACSR 300/39 - TH3	7	2,65	24	4,00	118.957	130.853	1.700
23	ACSR 300/48 - TH3	7	2,95	26	3,80	120.335	132.369	1.700
24	ACSR 300/66 - TH3	19	2,10	30	3,50	109.107	120.018	1.200
25	ACSR 300/67 - TH3	7	3,50	30	3,50	107.788	118.567	1.200
26	ACSR 300/204 - TH3	37	2,65	54	2,65	81.800	89.980	1.100
27	ACSR 330/30 - TH3	7	2,30	48	2,98	130.168	143.185	1.600
28	ACSR 330/43 - TH3	7	2,80	54	2,80	122.813	135.094	1.100
29	ACSR 400/18 - TH3	7	1,85	42	3,40	136.634	150.297	1.800
30	ACSR 400/51 - TH3	7	3,05	54	3,05	120.565	132.622	1.600
31	ACSR 400/64 - TH3	7	3,40	26	4,37	116.221	127.843	1.500
32	ACSR 400/93 - TH3	19	2,50	30	4,15	111.432	122.575	1.600

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR (AC/ AsKP CÓ MỖ)
(TH4: BÔI MỖ TOÀN BỘ, TRỪ BỀ MẶT SỢI LỚP NGOÀI CÙNG)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/ SD1:1995
Quy cách sản phẩm: Fe/Al

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Phần thép		Phần nhôm		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi đanh nghĩa	VNĐ/kg	VNĐ/kg	
1	ACSR 10/1.8 - TH4	1	1,50	6	1,50	125.799	138.379	14.000
2	ACSR 16/2.7 - TH4	1	1,85	6	1,85	121.918	134.110	9.400
3	ACSR 25/4.2 - TH4	1	2,30	6	2,30	119.395	131.335	6.100
4	ACSR 35/6.2 - TH4	1	2,80	6	2,80	114.708	126.179	4.100
5	ACSR 50/8.0 - TH4	1	3,20	6	3,20	113.983	125.381	3.100
6	ACSR 70/11 - TH4	1	3,80	6	3,80	113.643	125.007	2.200
7	ACSR 70/72 - TH4	19	2,20	18	2,20	75.461	83.007	2.400
8	ACSR 95/16 - TH4	1	4,50	6	4,50	113.465	124.812	1.600
9	ACSR 95/141 - TH4	37	2,20	24	2,20	72.191	79.410	1.100
10	ACSR 120/19 - TH4	7	1,85	26	2,40	117.850	129.635	3.000
11	ACSR 120/27 - TH4	7	2,20	30	2,20	110.652	121.717	3.500
12	ACSR 150/19 - TH4	7	1,85	24	2,80	122.015	134.217	3.000
13	ACSR 150/24 - TH4	7	2,10	26	2,70	116.510	128.161	2.800
14	ACSR 150/34 - TH4	7	2,50	30	2,50	109.174	120.091	2.700
15	ACSR 185/24 - TH4	7	2,10	24	3,15	120.575	132.633	2.800
16	ACSR 185/29 - TH4	7	2,30	26	2,98	116.303	127.933	2.300
17	ACSR 185/43 - TH4	7	2,80	30	2,80	108.766	119.643	2.100
18	ACSR 185/128 - TH4	37	2,10	54	2,10	82.062	90.268	1.000
19	ACSR 240/32 - TH4	7	2,40	24	3,60	119.942	131.936	1.800
20	ACSR 240/39 - TH4	7	2,65	26	3,40	114.888	126.377	1.500
21	ACSR 240/56 - TH4	7	3,20	30	3,20	108.145	118.960	1.600
22	ACSR 300/39 - TH4	7	2,65	24	4,00	119.071	130.978	1.700
23	ACSR 300/48 - TH4	7	2,95	26	3,80	120.173	132.190	1.700
24	ACSR 300/66 - TH4	19	2,10	30	3,50	108.983	119.881	1.200
25	ACSR 300/67 - TH4	7	3,50	30	3,50	107.611	118.372	1.200
26	ACSR 300/204 - TH4	37	2,65	54	2,65	80.505	88.556	1.100
27	ACSR 330/30 - TH4	7	2,30	48	2,98	130.645	143.710	1.600
28	ACSR 330/43 - TH4	7	2,80	54	2,80	123.331	135.664	1.100
29	ACSR 400/18 - TH4	7	1,85	42	3,40	137.885	151.674	1.800
30	ACSR 400/51 - TH4	7	3,05	54	3,05	120.914	133.005	1.600
31	ACSR 400/64 - TH4	7	3,40	26	4,37	116.062	127.668	1.500
32	ACSR 400/93 - TH4	19	2,50	30	4,15	111.145	122.260	1.600

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1
 Quy cách sản phẩm: AI/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	AV 16 (V-75)	7	Compact			8.340	9.007	500
2	AV 25 (V-75)	7	Compact			12.460	13.457	500
3	AV 35 (V-75)	7	Compact			16.560	17.885	4.000
4	AV 50 (V-75)	7	Compact			22.697	24.513	3.000
5	AV 70 (V-75)	19	Compact			32.023	34.585	2.000
6	AV 95 (V-75)	19	Compact			43.887	47.398	1.500
7	AV 120 (V-75)	19	Compact			54.472	58.830	1.000
8	AV 150 (V-75)	19	Compact			67.412	72.805	1.000
9	AV 185 (V-75)	37	Compact			83.705	90.401	500
10	AV 240 (V-75)	37	Compact			108.039	116.682	500
11	AV 300 (V-75)	37	Compact			134.188	144.923	500
12	AV 400 (V-75)	61	Compact			178.287	192.550	250
13	AV 500 (V-75)	61	Compact			219.124	236.654	250
14	AV 630 (V-75)	61	Compact			275.000	297.000	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: AI/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	AXV 16	7	Compact			10.209	11.026	500
2	AXV 25	7	Compact			14.894	16.086	3.000
3	AXV 35	7	Compact			19.074	20.600	3.000
4	AXV 50	7	Compact			25.192	27.207	3.000
5	AXV 70	19	Compact			34.747	37.527	2.000
6	AXV 95	19	Compact			46.631	50.361	2.000
7	AXV 120	19	Compact			58.225	62.883	2.000
8	AXV 150	19	Compact			72.111	77.880	1.000
9	AXV 185	37	Compact			88.501	95.581	1.000
10	AXV 240	37	Compact			114.084	123.211	500
11	AXV 300	37	Compact			140.392	151.623	500
12	AXV 400	61	Compact			185.330	200.156	500
13	AXV 500	61	Compact			227.725	245.943	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: AI/XLPE/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	AXV 4x16	7	Compact			40.696	43.952	2.000
2	AXV 4x25	7	Compact			58.707	63.404	2.000
3	AXV 4x35	7	Compact			75.615	81.664	1.000
4	AXV 4x50	7	Compact			100.830	108.896	1.000
5	AXV 4x70	19	Compact			142.220	153.598	1.000
6	AXV 4x95	19	Compact			190.479	205.717	1.000
7	AXV 4x120	19	Compact			237.035	255.998	500
8	AXV 4x150	19	Compact			292.802	316.226	500
9	AXV 4x185	37	Compact			360.613	389.462	500
10	AXV 4x240	37	Compact			461.942	498.897	250
11	AXV 4x300	37	Compact			572.623	618.433	250
12	AXV 4x400	61	Compact			763.347	824.415	250
13	AXV 4x500	61	Compact			937.704	1.012.720	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN
CÁP NHÔM NGẦM 1 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BĂNG NHÔM, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: AI/XLPE/PVC/DATA/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	ADATA 1x35	7	Compact			36.581	39.507	2.000
2	ADATA 1x50	7	Compact			44.397	47.949	2.000
3	ADATA 1x70	19	Compact			56.933	61.488	2.000
4	ADATA 1x95	19	Compact			71.353	77.061	1.000
5	ADATA 1x120	19	Compact			84.926	91.720	1.000
6	ADATA 1x150	19	Compact			100.997	109.077	1.000
7	ADATA 1x185	37	Compact			119.981	129.579	1.000
8	ADATA 1x240	37	Compact			149.408	161.361	1.000
9	ADATA 1x300	37	Compact			179.950	194.346	1.000
10	ADATA 1x400	61	Compact			230.253	248.673	1.000
11	ADATA 1x500	61	Compact			277.859	300.088	1.000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

**CÁP NHÔM NGÀM 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN),
 CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách sản phẩm: AI/XLPE/PVC/DSTA/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VND/m	VND/m	
1	ADSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	69.339	74.886	1.000
2	ADSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	82.940	89.575	1.000
3	ADSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	89.156	96.288	1.000
4	ADSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	109.480	118.238	1.000
5	ADSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	116.120	125.410	1.000
6	ADSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	162.521	175.523	1.000
7	ADSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	170.142	183.753	1.000
8	ADSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	209.579	226.345	1.000
9	ADSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	220.909	238.582	1.000
10	ADSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	262.666	283.679	500
11	ADSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	276.895	299.047	500
12	ADSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	309.681	334.455	500
13	ADSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	322.344	348.132	500
14	ADSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	337.294	364.278	500
15	ADSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	378.109	408.358	500
16	ADSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	394.856	426.444	500
17	ADSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	409.868	442.657	250
18	ADSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	476.036	514.119	250
19	ADSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	492.621	532.031	250
20	ADSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	510.155	550.967	250
21	ADSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	583.606	630.294	250
22	ADSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	603.519	651.801	250
23	ADSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	631.628	682.158	250
24	ADSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	781.026	843.508	250
25	ADSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	815.390	880.621	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Đề biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

CÁP NHÔM NGÀM 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE, GIÁP BẰNG THÉP, VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách sản phẩm: AI/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	ADSTA 4x16	7	Compact			54.478	58.836	1.000
2	ADSTA 4x25	7	Compact			75.262	81.283	1.000
3	ADSTA 4x35	7	Compact			94.160	101.693	1.000
4	ADSTA 4x50	7	Compact			123.564	133.449	500
5	ADSTA 4x70	19	Compact			180.710	195.167	500
6	ADSTA 4x95	19	Compact			234.029	252.751	500
7	ADSTA 4x120	19	Compact			289.869	313.059	500
8	ADSTA 4x150	19	Compact			352.683	380.898	500
9	ADSTA 4x185	37	Compact			427.120	461.290	250
10	ADSTA 4x240	37	Compact			541.423	584.737	250
11	ADSTA 4x300	37	Compact			657.357	709.946	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP NHÔM VẠN XOẮN 2; 3; 4 LỖI, CÁCH ĐIỆN XLPE

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6447:1998

Quy cách sản phẩm:

AI/XLPE

Cấp điện áp:

0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói m
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	
1	ABC 2x16	7	Compact			18.051	19.495	2.000
2	ABC 2x25	7	Compact			25.575	27.621	2.000
3	ABC 2x35	7	Compact			33.453	36.129	1.500
4	ABC 2x50	7	Compact			45.725	49.383	1.000
5	ABC 2x70	19	Compact			63.830	68.936	800
6	ABC 2x95	19	Compact			87.146	94.118	600
7	ABC 2x120	19	Compact			107.916	116.549	600
8	ABC 2x150	19	Compact			132.464	143.061	500
9	ABC 3x16	7	Compact			26.467	28.584	2.000
10	ABC 3x25	7	Compact			37.913	40.946	2.000
11	ABC 3x35	7	Compact			49.317	53.262	1.500
12	ABC 3x50	7	Compact			67.497	72.897	1.000
13	ABC 3x70	19	Compact			94.480	102.038	800
14	ABC 3x95	19	Compact			129.138	139.469	600
15	ABC 3x120	19	Compact			161.361	174.270	600
16	ABC 3x150	19	Compact			198.130	213.980	500
17	ABC 4x16	7	Compact			34.737	37.516	2.000
18	ABC 4x25	7	Compact			50.073	54.079	2.000
19	ABC 4x35	7	Compact			65.793	71.056	1.500
20	ABC 4x50	7	Compact			89.912	97.105	1.000
21	ABC 4x70	19	Compact			125.934	136.009	800
22	ABC 4x95	19	Compact			172.200	185.976	600
23	ABC 4x120	19	Compact			214.214	231.351	600
24	ABC 4x150	19	Compact			263.083	284.130	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải

DÂY DÂN DỤNG



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN**

DÂY ĐIỆN ĐƠN MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6610-3/ IEC 60227-3

Quy cách sản phẩm:

Cu/PVC

Cấp điện áp:

300/500V và 450/750V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
Cấp điện áp 300/500V								
1	VCSF 1x0.5	20	0,177			2.761	2.982	200
2	VCSF 1x0.75	30	0,177			4.010	4.331	200
3	VCSF 1x1.0	30	0,20			4.993	5.392	200
Cấp điện áp 450/750V								
4	VCSF 1x1.5	30	0,24			7.121	7.691	100
5	VCSF 1x2.5	50	0,24			11.670	12.604	100
6	VCSF 1x4.0	52	0,30			18.657	20.150	100
7	VCSF 1x6.0	80	0,30			28.607	30.896	100
8	VCSF 1x10.0	140	0,30			50.550	54.594	100

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình

CADI-SUN® Group

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	CV 1x1.5 (V-75)	7	0,52			7.443	8.038	100
2	CV 1x2.5 (V-75)	7	0,67			12.116	13.085	100
3	CV 1x4.0 (V-75)	7	0,86			20.104	21.712	100
4	CV 1x6.0 (V-75)	7	1,04			29.357	31.706	100
5	CV 1x10 (V-75)	7	Compact			47.793	51.616	100

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính sợi danh nghĩa ghi "Compact"

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** DÂY ĐIỆN ĐƠN CỨNG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3/ IEC 60227-3
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
 Cấp điện áp: 450/750V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	VCSH 1x1.5	1	1,38			7.434	8.029	100
2	VCSH 1x2.5	1	1,75			11.860	12.809	100
3	VCSH 1x4.0	1	2,25			19.392	20.943	100
4	VCSH 1x6.0	1	2,77			29.178	31.512	100

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** DÂY ĐIỆN ĐÔI MỀM DẸT (DÂY ĐIỆN OVAN)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	VCTFK 2x0.75	30	0,177			8.658	9.351	100 & 200
2	VCTFK 2x1.0	30	0,20			10.786	11.649	100 & 200
3	VCTFK 2x1.5	30	0,24			15.055	16.259	100 & 200
4	VCTFK 2x2.5	50	0,24			24.591	26.558	100 & 200
5	VCTFK 2x4.0	52	0,30			39.292	42.435	100 & 200
6	VCTFK 2x6.0	80	0,30			59.624	64.394	100 & 200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** DÂY ĐIỆN TRÒN MỀM 2; 3; 4; 5 LỖI

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Cấp điện áp: 300/500V

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	VCTF 2x0.75	30	0,177			9.322	10.068	200
2	VCTF 2x1.0	30	0,20			11.508	12.429	200
3	VCTF 2x1.5	30	0,24			16.035	17.318	200
4	VCTF 2x2.5	50	0,24			26.044	28.128	200
5	VCTF 2x4.0	52	0,30			41.298	44.602	200
6	VCTF 2x6.0	80	0,30			62.265	67.246	200
7	VCTF 3x0.75	30	0,177			13.252	14.312	200
8	VCTF 3x1.0	30	0,20			16.571	17.897	200
9	VCTF 3x1.5	30	0,24			23.198	25.054	200
10	VCTF 3x2.5	50	0,24			38.172	41.226	200
11	VCTF 3x4.0	52	0,30			59.932	64.727	200
12	VCTF 3x6.0	80	0,30			91.305	98.609	200
13	VCTF 4x0.75	30	0,177			17.277	18.659	200
14	VCTF 4x1.0	30	0,20			21.708	23.445	200
15	VCTF 4x1.5	30	0,24			30.575	33.021	200
16	VCTF 4x2.5	50	0,24			50.074	54.080	200
17	VCTF 4x4.0	52	0,30			79.080	85.406	200
18	VCTF 4x6.0	80	0,30			120.445	130.081	200
19	VCTF 5x0.75	30	0,177			22.286	24.069	200
20	VCTF 5x1.0	30	0,20			27.740	29.959	200
21	VCTF 5x1.5	30	0,24			39.314	42.459	200
22	VCTF 5x2.5	50	0,24			64.014	69.135	200
23	VCTF 5x4.0	52	0,30			101.026	109.108	200
24	VCTF 5x6.0	80	0,30			153.375	165.645	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải



Công Ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình
CADI-SUN® Group
 Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
 ★ ★ ★ ★ ★

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADI-SUN** DÂY ĐIỆN XÚP DÍNH

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
 Cấp điện áp: 0.6/1(1.2)kV

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá		Chiều dài đóng gói
		Dây pha		Trung tính		Chưa VAT	Có VAT	
		Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	Số sợi	ĐK sợi danh nghĩa	VNĐ/m	VNĐ/m	m
1	VCmD 2x0.5 (V-75)	20	0,177			5.517	5.958	100
2	VCmD 2x0.75 (V-75)	30	0,177			8.027	8.669	100
3	VCmD 2x1.0 (V-75)	30	0,20			10.121	10.931	100
4	VCmD 2x1.5 (V-75)	30	0,24			14.344	15.492	100
5	VCmD 2x2.5 (V-75)	50	0,24			23.409	25.282	100

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Mạnh Hải